

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay, nền kinh tế nước ta đang trên đà phát triển đã đạt được những thành tựu to lớn. Với việc mở cửa nền kinh tế và hội nhập nền kinh tế quốc tế đòi hỏi doanh nghiệp phải tổng hợp được nhiều biện pháp. Trong đó biện pháp quan trọng hàng đầu không thể thiếu được là thực hiện quản lý kinh tế trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Kế toán là công cụ quản lý kinh tế quan trọng của Nhà nước và các doanh nghiệp.

Hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ rất cần thiết cho sản xuất kinh doanh, nó chỉ rõ cho doanh nghiệp thấy được ưu điểm, nhược điểm trong thời kỳ sản xuất nhất định. Từ đó doanh nghiệp xác định được hướng đi mới và hoàn thiện mình trong công việc.

Trên cơ sở đó mới quản lý tốt các hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, tránh tình trạng thất thoát vốn trong kinh doanh hoặc bị thừa nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Từ đó dẫn tới chi phí giá thành cao, sản xuất không hiệu quả. Với kiến thức về hạch toán kế toán đã được trang bị trong thời gian học tại trường cùng với sự nhận thức về tầm quan trọng của công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng. Em nghiên cứu và chọn đề tài khóa luận là:

“ Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Cổ phần Sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng”. Đề tài khóa luận của em gồm 3 chương:

Chương I: Lý luận cơ bản về tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp

Chương II: Thực trạng về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Cổ phần Sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Cổ phần Sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

CHƯƠNG I

**LÍ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
CÔNG CỤ DỤNG CỤ TRONG DOANH NGHIỆP**

1.1.Những vấn đề chung về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp

1.1.1.Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp

Trước yêu cầu của quản lý tài chính hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải chặt chẽ, thực hiện một cách nghiêm chỉnh các pháp lệnh do Nhà nước ban hành.

Các doanh nghiệp đang đứng trước áp lực cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế thị trường do vậy để có thể tồn được chỗ vững chắc trên thị trường đòi hỏi công tác hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ sao cho khoa học, chính xác. Thực tế này đặt ra nhiệm vụ nặng nề cho công tác kế toán là làm sao để phản ánh được, sự biến động của từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ một cách chính xác cả về mặt số lượng và giá trị sao cho tiết kiệm chi phí hạ giá thành sẽ tạo ra sức cạnh tranh lớn đem lại lợi nhuận cao cho doanh nghiệp.

Việc cung cấp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ có kịp thời đầy đủ hay không sẽ ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch và quá trình sản xuất của doanh nghiệp.Nếu thiếu nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thì doanh nghiệp không tiến hành sản xuất được.

Nguyên vật liệu không chỉ ảnh hưởng đến số lượng mà còn ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng cao, đúng quy cách, đúng chủng loại thì sản phẩm tạo ra mới phù hợp với nhu cầu thị trường, tạo ra sức cạnh tranh cao.

Công cụ là sản phẩm dự trữ sản xuất và thường xuyên biến động. Nó hỗ trợ trực tiếp cho nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất để tạo ra sản phẩm.

Tóm lại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là yếu tố không thể thiếu trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nó quyết định đến sự tồn tại phát triển hay thất bại của doanh nghiệp.

1.1.2. Khái niệm đặc điểm của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp

Theo chuẩn mực kế toán số 02, hàng tồn kho là những tài sản:

Được giữ để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường

Đang trong quá trình sản xuất kinh doanh dở dang

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ để sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ

Nguyên vật liệu là một bộ phận của hàng tồn kho, là đối tượng đã được thay đổi do lao động có ích của con người tác động vào nó. Trong doanh nghiệp sản xuất thì nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể sản phẩm. Nguyên vật liệu là một trong các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất mà biểu hiện của nó là giá trị hiện vật được chuyển hết một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Dưới tác động của lao động, vật liệu bị hao mòn toàn bộ hoặc biến đổi hình thái vật chất ban đầu để cấu thành nên thực thể sản phẩm.

Công cụ dụng cụ là những tư liệu lao động không đủ tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng để xét vào tài sản cố định, công cụ dụng cụ tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh, giá trị hao mòn dồn vào trong quá trình sử dụng, giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu cho đến lúc hư hỏng. Đặc điểm của công cụ dụng cụ là vừa giống vật liệu vừa giống tài sản cố định. Giống tài sản cố định là tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu, về giá trị thì bị giảm dần và được chuyển từng phần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ dưới hình thức phân bổ dần. Giống vật liệu là những công cụ dụng cụ có giá trị nhỏ, thời gian sử dụng ngắn nên được mua sắm dự trữ bằng nguồn vốn lưu động của doanh nghiệp, được quản lý và hạch toán như đối với vật liệu.

1.1.3. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

1.1.3.1. Yêu cầu quản lý của kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong các doanh nghiệp

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Xuất phát từ khái niệm, đặc điểm ta thấy rằng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là tài sản dự trữ kinh doanh thường xuyên biến động. Để hoạt động kinh doanh diễn ra bình thường, doanh nghiệp phải thường xuyên mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và xuất dùng cho sản xuất. Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được nhập về từ nhiều nguồn và giá cả của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thường xuyên biến động trên thị trường. Do đó để làm tốt công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải được theo dõi ở tất cả các khâu: thu mua, bảo quản, sử dụng và dự trữ. Trong quá trình này nếu quản lý không tốt sẽ ảnh hưởng đến chất lượng, giá trị sản phẩm. Cụ thể của yêu cầu công tác quản lý nguyên vật liệu:

- Trong khâu thu mua: phải quản lý về mặt khối lượng, quy cách đúng chủng loại và chất lượng, giá mua, chi phí thu mua của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải được phản ánh đầy đủ và chính xác. Kế hoạch thu mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải đúng tiến độ thời gian phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Trong khâu bảo quản: để tránh khỏi mất mát, hư hỏng, hao hụt, đảm bảo an toàn nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải tổ chức kho tàng bền bỉ, thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với từng loại nguyên vật liệu. Nếu không thực hiện tốt công tác này thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ và chất lượng trong quá trình may.

- Trong khâu sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: phải thực hiện tốt định mức tiêu hao, sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở các định mức và dự toán chi phí nhằm phát huy hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu, nâng cao chất lượng và có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ thấp chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm, tăng thu nhập, tăng tích lũy cho doanh nghiệp.

Đồng thời phải thường xuyên hoặc định kì phân tích thực hiện định mức tiêu hao nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong sản xuất, đó cũng là cơ sở làm tăng thêm sản phẩm cho xã hội. Do vậy trong khâu sử dụng cần phải tổ chức tốt việc ghi chép phản ánh tình hình xuất dùng và sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong sản xuất kinh doanh.

- Trong khâu dự trữ: để đảm bảo cho quá trình kinh doanh được bình thường mà không ngưng trệ, gián đoạn do cung ứng không kịp thời gây tình trạng đọng vốn do dự trữ quá nhiều đòi hỏi doanh nghiệp phải xác định tối đa, tối thiểu.

Như vậy nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là yếu tố đầu tiên trong quá trình tạo ra sản phẩm. Muốn sản phẩm đạt tiêu chuẩn, chất lượng cao và tạo được uy tín trên thị trường nhất thiết phải tổ chức tốt công việc quản lý nguyên vật liệu.

1.1.3.2. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt để có thể tồn tại và phát triển vững chắc một trong những yếu tố quan trọng đòi hỏi các doanh nghiệp phải làm tốt đó là tổ chức quản lý bố trí, sắp xếp các công việc, bộ máy làm việc một cách khoa học hợp lý. Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là yếu tố đầu tiên của quá trình sản xuất, nếu biết cách quản lý và có kế hoạch sử dụng tốt, có hiệu quả sẽ tạo ra các yếu tố đầu ra và cơ hội để tiêu thụ hay cạnh tranh tốt. Hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhằm cung cấp đầy đủ kịp thời cho quản lý giúp các doanh nghiệp ngăn ngừa các hiện tượng sử dụng lãng phí tham ô, làm thất thoát nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong quá trình sử dụng. Bên cạnh đó còn giúp doanh nghiệp huy động và sử dụng vốn có hiệu quả để hạ giá thành sản phẩm, làm tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Xuất phát từ vị trí yêu cầu của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ còn thực hiện tốt các công việc sau:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh chính xác kịp thời số lượng, chất lượng và giá trị thực tế của từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập xuất tồn, dụng cụ tiêu hao, sử dụng cho sản xuất.

- Tổ chức, đánh giá, phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phù hợp với các nguyên tắc, yêu cầu quản lý thống nhất Nhà nước và yêu cầu của quản trị doanh nghiệp.

- Phản ánh tình hình thực hiện kế hoạch thu mua và dự trữ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, phát hiện kịp thời vật liệu tồn đọng kém phẩm chất để có biện pháp xử lý nhằm hạn chế thiệt hại ở mức thấp nhất.

- Kiểm tra chi phí thu mua, tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập xuất tồn kho.
- Phản ánh chính xác kịp thời tình hình biến động của từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ bằng thước đo giá trị và hiện vật.
- Phân bổ giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ vào chi phí sản xuất kinh doanh.
- Vận dụng đúng đắn các phương pháp hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hướng dẫn kiểm tra các nguyên tắc. Thủ tục nhập xuất thực hiện đầy đủ, đúng chế độ hạch toán ban đầu về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- Tổ chức chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho của doanh nghiệp, mở các loại sổ sách, thẻ chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đúng chế độ, đúng phương pháp quy định cho việc lãnh đạo và chỉ đạo công tác kế toán trong phạm vi ngành, toàn bộ nền kinh tế.

1.1.4. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

1.1.4.1. Phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong các doanh nghiệp có vai trò và công dụng khác nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh. Để sản xuất sản phẩm các doanh nghiệp phải sử dụng nhiều loại vật tư khác nhau với khối lượng lớn bao gồm rất nhiều loại, nhiều thứ khác nhau. Chúng thường biến động tăng giảm thường xuyên, liên tục. Trong điều kiện đó đòi hỏi các doanh nghiệp phải phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thì mới tổ chức tốt công việc quản lý được. Vì vậy để có thể quản lý một cách khoa học, hợp lý và đảm bảo sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ có hiệu quả thì phải tùy thuộc vào từng loại doanh nghiệp và từng ngành sản xuất khác nhau.

✿ Phân loại nguyên vật liệu

- Căn cứ vào nội dung kinh tế và yêu cầu kế toán quản trị doanh nghiệp nguyên vật liệu được phân loại như sau:
 - + Nguyên vật liệu chính: là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm. Vì vậy nguyên liệu chính gắn liền với doanh nghiệp sản xuất cụ thể.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ **Vật liệu phụ:** là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì không cấu thành thực thể chính của sản phẩm mà có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bề ngoài, làm tăng thêm chất lượng của sản phẩm hàng hóa hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường hoặc phục vụ cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật, phục vụ cho quá trình lao động.

+ **Nhiên liệu:** là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể rắn, thể lỏng, thể khí.

+ **Phụ tùng thay thế:** là những vật tư sản phẩm dùng để thay thế sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ dụng cụ sản xuất.

+ **Vật liệu xây dựng cơ bản:** gồm các thiết bị phương tiện lắp đặt các công trình xây dựng cơ bản của doanh nghiệp.

+ **Phế liệu:** là vật liệu thu được trong quá trình sản xuất hoặc thanh lý tài sản, có thể sử dụng hoặc bán.

+ **Vật liệu khác:** bao gồm các loại vật liệu còn lại ngoài các thứ chưa kể trên. Tùy thuộc vào yêu cầu quản lý và kế toán chi phí của từng doanh nghiệp mà trong từng loại vật liệu có thể chi tiết hơn.

- Căn cứ vào nguồn hình thành nguyên vật liệu có thể phân loại như sau:

+ Nguyên vật liệu do mua ngoài

+ Nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự sản xuất

+ Nguyên vật liệu do từ các nguồn khác: như cấp phát, biếu tặng, liên doanh...

- Căn cứ vào mục đích và nơi sử dụng nguyên vật liệu có thể phân loại như sau:

+ Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm

+ Nguyên vật liệu dùng cho công tác quản lý

+ Nguyên vật liệu dùng cho mục đích khác

Trên cơ sở phân loại các nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, doanh nghiệp cần xác định “ Sổ danh điểm vật liệu” để thống nhất tên gọi, kí hiệu, mã hiệu, quy cách để tiết kiệm thời gian trong việc đối chiếu giữa kho và tìm kiếm thông tin về mọi loại vật

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

liệu nào đó đặc biệt là trong điều kiện cơ giới hóa, tự động hóa công tác tính toán trong doanh nghiệp.

** Phân loại công cụ dụng cụ*

- Căn cứ vào nội dung kinh tế công cụ dụng cụ được phân loại thành:
 - + Công cụ dụng cụ
 - + Bao bì luân chuyển
 - + Đồ dùng cho thuê
- Căn cứ vào nơi sử dụng công cụ dụng cụ được phân loại thành:
 - + Công cụ dụng cụ trong kho
 - + Công cụ dụng cụ đang dùng
- Căn cứ vào phương pháp phân bổ công cụ dụng cụ được phân loại thành:
 - + Phân bổ 1 lần

Theo phương pháp này khi xuất dùng công cụ dụng cụ, kế toán phân bổ toàn bộ giá trị của nó vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ xuất dùng. Phương pháp này chỉ nên sử dụng trong trường hợp giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng nhỏ hoặc thời gian sử dụng ngắn.

+ Phân bổ 50% :

Theo phương pháp này khi xuất dùng công cụ dụng cụ, kế toán tiến hành phân bổ 50% giá trị công cụ dụng cụ vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ xuất dùng. Khi các bộ phận báo hỏng công cụ dụng cụ. Kế toán tiến hành phân bổ giá trị còn lại của công cụ dụng cụ bị hỏng vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo hỏng.

Giá trị còn lại của CCDC báo hỏng	=	$\frac{\text{GTTT của CCDC hỏng}}{2}$	-	Giá trị phế liệu thu hồi	-	Tiền bồi thường vật chất
-----------------------------------	---	---------------------------------------	---	--------------------------	---	--------------------------

+ Phân bổ nhiều lần :

Theo phương pháp này, căn cứ vào giá trị công cụ dụng cụ và thời gian sử dụng hoặc số lần dự kiến để tính ra mức phân bổ cho một kỳ hoặc một lần sử dụng

Mức phân bổ công cụ dụng cụ trong một kỳ hoặc 1 lần sử dụng	=	$\frac{\text{Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng}}{\text{Số kỳ hoặc số lần sử dụng}}$
---	---	---

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào mức phân bổ nói trên, định kì kế toán phân bổ giá trị của công cụ dụng cụ vào chi phí sản xuất kinh doanh.

1.1.4.2. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là dùng tiền để biểu thị giá trị của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo nguyên tắc nhất định, đảm bảo yêu cầu chân thực và thống nhất. Kế toán nhập xuất tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải phản ánh giá trị thực tế (hay theo giá gốc). Tùy từng loại hình doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ hay phương pháp trực tiếp mà trong giá thực tế có thuế GTGT hay không có thuế GTGT. Giá thực tế của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là toàn bộ chi phí thực tế mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đó. Giá trị thực tế bao gồm giá bản thân của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí thu mua, chi phí gia công, chi phí chế biến.

** Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho*

Theo chuẩn mực kế toán số 02, hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua được trừ khỏi chi phí thu mua.

- Chi phí chế biến hàng tồn kho gồm những chi phí có liên quan trực tiếp sản xuất sản phẩm như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

- Chi phí liên quan trực tiếp khác tính vào giá gốc hàng tồn kho bao gồm các loại chi phí khác ngoài chi phí mua và chi phí chế biến hàng tồn kho.

** Chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho bao gồm:*

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất khác, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.

- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các khoản chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản trong quá trình mua hàng.

- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho thì giá thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua ngoài do các bên được xác định theo từng nguồn nhập

+ Đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập mua ngoài:

Giá thực tế nhập kho	=	Giá mua ghi trên hóa đơn	+	Các khoản thuế nhập khẩu, thuế khác nếu có	+	Chi phí thu mua thực tế	-	Các khoản giảm trừ (CKTM, giảm giá...)
----------------------	---	--------------------------	---	--	---	-------------------------	---	--

+ Đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ do doanh nghiệp tự gia công chế biến:

Giá thực tế nhập kho	=	Giá thực tế NVL, CCDC xuất gia công chế biến	+	Chi phí gia công chế biến
----------------------	---	--	---	---------------------------

+ Đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thuê ngoài gia công chế biến:

Giá thực tế nhập kho	=	Giá thực tế NVL, CCDC xuất thuê ngoài gia công chế biến	+	Chi phí vận chuyển bốc dỡ	+	Chi phí thuê ngoài gia công chế biến
----------------------	---	---	---	---------------------------	---	--------------------------------------

+ Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhận góp vốn: giá nhập kho là giá trị được các bên tham gia góp vốn liên doanh thống nhất đánh giá chấp thuận

+ Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được biếu tặng: giá nhập kho là giá thực tế được xác định theo thời điểm giá trên thị trường

* Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được nhập kho từ nhiều nguồn khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau nên có nhiều giá khác nhau. Do đó khi xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động, yêu cầu, trình độ quản lý và điều kiện phương tiện trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật tính toán ở từng doanh nghiệp mà lựa chọn một trong bốn phương pháp để xác định giá trị thực tế của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Theo chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho, việc tính giá hàng tồn kho được áp dụng theo một trong các phương pháp sau:

- ☞ Phương pháp thực tế đích danh
- ☞ Phương pháp nhập trước xuất trước
- ☞ Phương pháp nhập sau xuất trước
- ☞ Phương pháp bình quân gia quyền

Nội dung cụ thể của các phương pháp:

• ***Phương pháp thực tế đích danh***

Theo phương pháp này, giá của hàng nhập kho sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất kho. Khi xuất loại hàng hóa nào thì lấy giá của loại hàng hóa đó

Phương pháp này được áp dụng cho những doanh nghiệp có chủng loại vật tư ít và nhận diện được từng lô hàng.

Ưu điểm: Chính xác và theo dõi chặt chẽ thời hạn bảo quản của từng loại vật tư.

Nhược điểm: Đòi hỏi doanh nghiệp phải có điều kiện để bảo quản riêng từng lô hàng nhập kho, công tác chặt chẽ phức tạp.

• ***Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)***

Phương pháp này được thực hiện như sau: lô hàng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nào nhập kho trước sẽ được dùng trước. Hàng tồn kho cuối kì là hàng mới nhất.

Do vậy giá hàng xuất dùng được tính hết theo giá thực tế của lần nhập trước, xong mới là giá của lần nhập sau. Nếu giá cả có xu hướng tăng lên thì giá trị hàng tồn kho cao, hàng xuất thấp, chi phí kinh doanh giảm, lợi nhuận tăng và ngược lại.

Ưu điểm: Với phương pháp này việc tính toán đơn giản, dễ làm và tương đối hợp lí, chính xác.

Nhược điểm: Khối lượng tính toán nhiều, phụ thuộc vào xu thế giá cả trên thị trường, phải tiến hành công phu.

• ***Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)***

Theo phương pháp này, những lô hàng mua sau sẽ được xuất trước. Nghĩa là giá thị trường của hàng xuất được tính theo giá của lô hàng có lần nhập gần nhất. Chi phí sản xuất luôn gắn chặt với giá cả thị trường nên lợi nhuận thu được mang tính an toàn

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

hơn khi giá cả có xu hướng tăng lên. Song chất lượng tính giá lại vẫn phụ thuộc vào sự ổn định giá cả của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Nếu giá cả biến động mạnh mẽ sẽ mất chính xác và gây bất hợp lí. Phương pháp này áp dụng trong trường hợp lạm phát.

Ưu điểm: Việc tính giá vật liệu đơn giản hơn phương pháp nhập trước xuất trước.

Nhược điểm: Khối lượng ghi chép và theo dõi hạch toán chi tiết vẫn còn phức tạp.

• **Phương pháp bình quân gia quyền**

Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kì giá trị của từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kì. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kì hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của từng loại doanh nghiệp.

Phương pháp này thường áp dụng trong các doanh nghiệp có tính ổn định về giá của hàng hóa vật tư, hàng hóa khi nhập xuất kho.

Phương pháp bình quân gia quyền này có thể thực hiện theo cả kì hoặc là sau mỗi lần nhập(bình quân liên hoàn)

Ưu điểm: Tính giá vật liệu xuất kho chính xác.

Nhược điểm: Phương pháp này chỉ tiến hành vào cuối tháng nên khối lượng công việc nhiều ảnh hưởng đến công tác quyết toán.

☞ Phương pháp bình quân gia quyền cả kì:

$$\text{Trị giá thực tế xuất kho} = \text{Số lượng xuất} \times \text{Giá đơn vị bình quân cả kì dự trữ}$$

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kì dự trữ} = \frac{\text{GTTT vật tư, hàng hóa tồn đầu kì} + \text{GTTT vật tư hàng hóa nhập trong kì}}{\text{Số lượng vật tư, hàng hóa tồn đầu kì} + \text{Số lượng vật tư, hàng hóa nhập trong kì}}$$

☞ Phương pháp bình quân liên hoàn:

$$\text{Trị giá thực tế xuất kho} = \text{Số lượng xuất} \times \text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập}$$

Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập	=	$\frac{\text{GTTT tồn kho sau thứ } i \text{ lần nhập}}{\text{Số lượng tồn kho sau thứ } i \text{ lần nhập}}$
--	---	---

Phương pháp này khắc phục được nhược điểm của hai phương pháp trên nhưng phương pháp này tốn nhiều công sức, tốn kém nhiều lần.

1.2. Tổ chức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Trong doanh nghiệp sản xuất việc quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ do nhiều bộ phận, nhiều đơn vị tham gia, song việc quản lý tình hình nhập xuất tồn nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ hàng ngày chủ yếu được thực hiện ở bộ phận kho và phòng kế toán trên cơ sở chứng từ kế toán nhập xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Thủ kho và kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải phản ánh chính xác tình hình nhập xuất kho, tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo từng danh điểm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Bởi vậy giữa kho và phòng kế toán doanh nghiệp cần có sự phối hợp với nhau để sử dụng chứng từ kế toán nhập xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ một cách hợp lý trong việc ghi chép vào thẻ kho của thủ kho, ghi chép vào sổ kế toán chi tiết của kế toán nhằm đảm bảo sự phù hợp số liệu giữa thẻ kho và sổ kế toán, đồng thời tránh được sự ghi chép trùng lặp không cần thiết để tiết kiệm hao phí lao động, quản lý có hiệu quả nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Sự liên hệ và phối hợp đó hình thành nên những phương pháp hạch toán chi tiết hàng tồn kho:

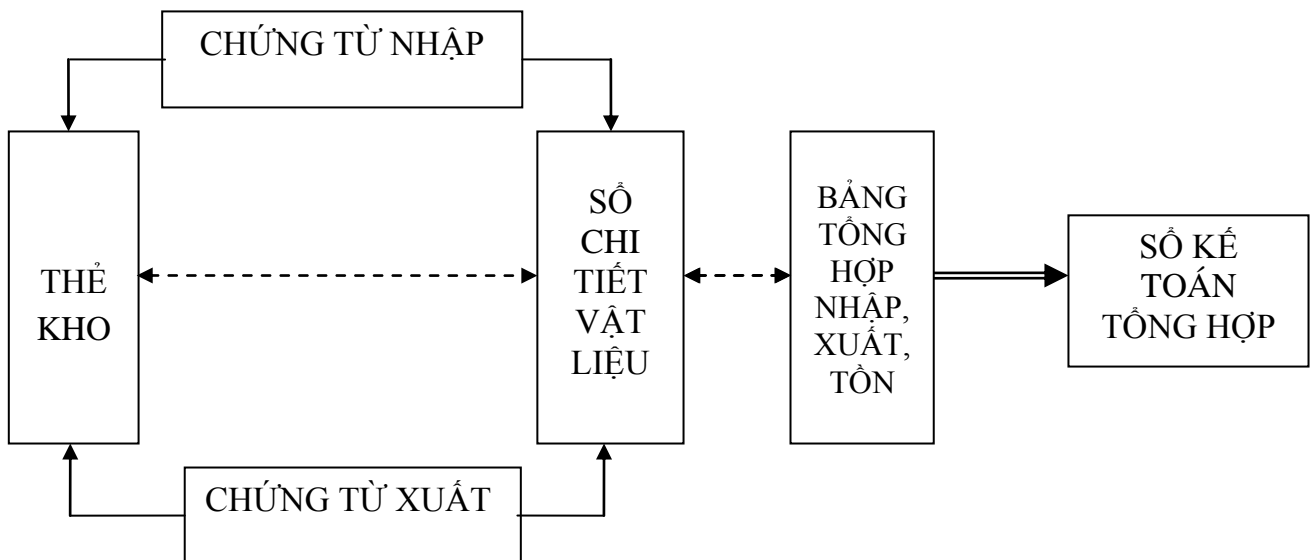
- Phương pháp thẻ song song
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển
- Phương pháp sổ số dư

Nội dung các phương pháp:

Phương pháp thẻ song song

• Ở kho: Thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập xuất tồn vật tư về mặt số lượng. Mỗi chứng từ ghi vào một dòng thẻ kho. Thẻ kho được mở cho từng danh điểm vật tư. Cuối tháng, thủ kho phải tiến hành tổng cộng số nhập xuất và tính số tồn kho về mặt số lượng theo từng danh điểm vật tư.

• Ở phòng kế toán: Kế toán vật tư mở thẻ kế toán chi tiết vật liệu cho từng danh điểm vật tư tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Thẻ này có nội dung tương tự thẻ kho, chỉ khác là theo dõi cả về mặt giá trị hàng ngày hoặc định kì khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kì: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu: \longleftrightarrow

- Ưu điểm: phương pháp này đơn giản, rõ ràng, dễ kiểm tra đối chiếu số liệu và phát hiện sai sót trong việc ghi Hàng tồn kho.

- Nhược điểm: Việc ghi chép giữa kho và phòng kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng và khối lượng ghi chép còn nhiều.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

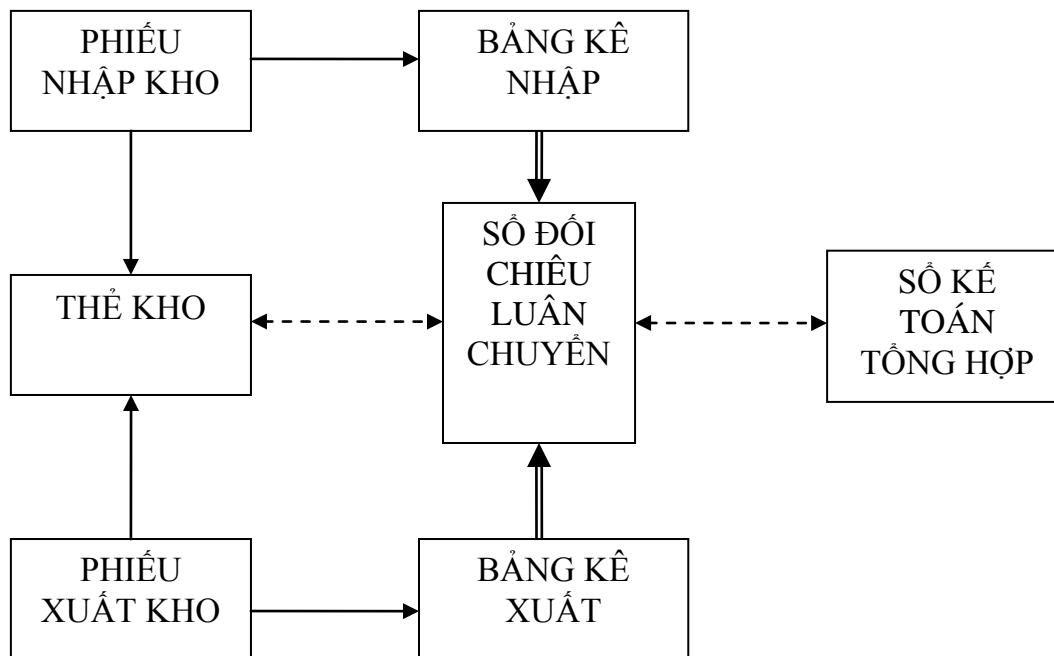
Phạm vi áp dụng: áp dụng cho doanh nghiệp có chủng loại vật tư ít, khối lượng nghiệp vụ phát sinh không nhiều, không thường xuyên. Áp dụng cho doanh nghiệp dùng giá mua thực tế để ghi chép vật tư tồn kho.

Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

- Ở kho: Sử dụng thẻ kho hoặc thẻ kho mở cho từng danh điểm vật liệu, công cụ. Hàng ngày căn cứ vào chứng từ nhập xuất thủ kho ghi số lượng vật liệu, công cụ thực nhập thực xuất vào thẻ kho (mỗi chứng từ ghi một dòng). Cuối ngày thủ kho phải tổng cộng số nhập xuất tồn về mặt lượng.

- Ở phòng kế toán: Sau khi nhận được chứng từ nhập xuất kho từ thủ kho, kế toán kiểm tra và hoàn chỉnh chứng từ, phân loại chứng từ.

Sổ đối chiếu luân chuyển được mở cả năm và được ghi vào cuối mỗi tháng, sổ này theo dõi tình hình nhập xuất tồn kho của từng thứ vật tư thuộc từng kho cả chỉ tiêu số lượng và giá trị của mỗi thứ vật liệu, công cụ được ghi trên một dòng. Cuối tháng đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và sổ kế toán tổng hợp.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kì: \Longrightarrow

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Quan hệ đối chiếu: ----->

-Ưu điểm: giảm được khối lượng ghi chép so với phương pháp thẻ song song.

-Nhược điểm: vẫn còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng giữa thủ kho và phòng kế toán công việc dồn vào cuối tháng sẽ gây chậm số liệu hạn chế chức năng kiểm tra thường xuyên của kế toán. Nếu không lập bảng kê nhập, xuất dễ gây nhầm lẫn nhưng nếu lập số lượng ghi chép lớn, việc lập báo cáo nhanh dựa vào ghi chép của thủ kho.

- Điều kiện áp dụng: Thích hợp với những doanh nghiệp không đòi hỏi cung cấp thông tin nhanh phục vụ cho quản trị vật tư.

Phương pháp sổ số dư

Với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm có nhiều vật tư nguyên vật liệu và đồng thời số liệu chứng từ nhập, xuất của mỗi loại khá nhiều thì phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu thích hợp nhất là phương pháp sổ số dư.

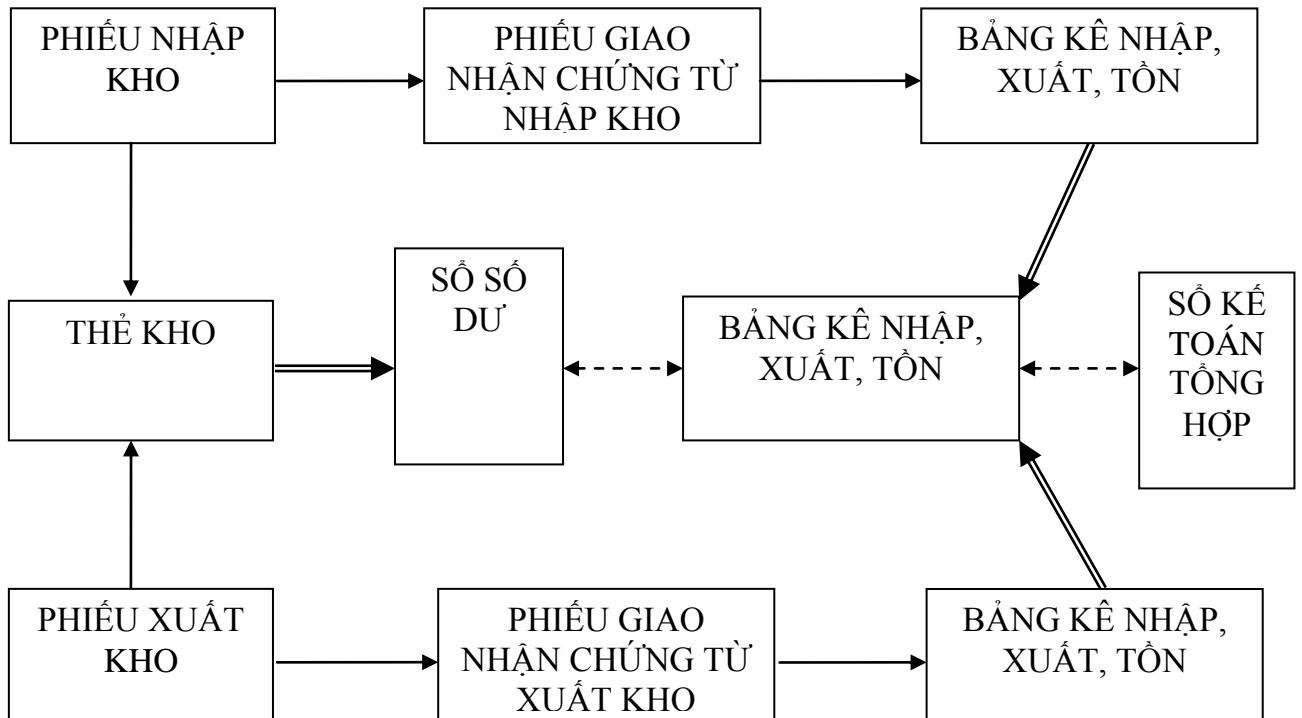
• Ở kho: Sử dụng thẻ kho hoặc thẻ kho mở cho từng danh điểm vật liệu, công cụ. Hàng ngày căn cứ vào chứng từ nhập xuất thủ kho ghi số lượng vật liệu, công cụ thực nhập thực xuất vào thẻ kho (mỗi chứng từ ghi một dòng). Cuối ngày thủ kho phải tổng cộng số nhập xuất tồn về mặt lượng.

Sử dụng sổ số dư kế toán mở cho từng kho và dùng cho cả năm giao cho thủ kho trước ngày cuối tháng trên sổ số dư được sắp xếp cho từng thứ, nhóm loại và có dòng tổng cộng cho từng nội dung cụ thể, thủ kho ghi chỉ tiêu số lượng sau đó chuyển về phòng kế toán.

• Ở phòng kế toán: Định kì kế toán kiểm tra về ghi chép trên sổ kho và trực tiếp nhận chứng từ nhập xuất kho kí xác nhận vào từng thẻ kho và phiếu giao nhận chứng từ. Kế toán kiểm tra hoàn chỉnh chứng từ và tổng hợp giá trị (theo trị giá hạch toán) theo từng nhóm, loại vật tư để ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ, số liệu này được ghi vào bảng kê lũy kế xuất. Cuối tháng căn cứ vào bảng kê lũy kế nhập, xuất để tổng cộng số tiền theo từng nhóm vật tư để ghi vào bảng kê nhập xuất tồn. Khi nhận được sổ số dư từ thủ kho kế toán ghi cột thành tiền theo giá hạch toán trên sổ số dư sau đó cộng theo nhóm loại vật tư. Kế toán đối chiếu số liệu giữa bảng kê nhập, xuất tồn kho với sổ số dư và với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trong điều kiện thực hiện kế toán bằng phương pháp thủ công thì phương pháp sổ số dư được coi là phương pháp có nhiều ưu điểm: hạn chế việc ghi trùng lặp giữa các kho và phòng kế toán, cho phép kiểm tra thường xuyên công việc ghi chép ở kho, đảm bảo được chính xác và kịp thời.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kì: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu: \longleftrightarrow

-Ưu điểm: giảm nhẹ khối lượng ghi chép hằng ngày, thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên của kế toán với việc nhập, xuất NVL, CCDC hàng ngày.

-Nhược điểm: Nếu có sai sót khó phát hiện, khó kiểm tra và đòi hỏi yêu cầu trình độ quản lý của thủ kho và kế toán phải khá nếu không sẽ dẫn đến sai sót.

- Điều kiện áp dụng: Vật tư có nhiều chủng loại, các nghiệp vụ phát sinh thường xuyên, doanh nghiệp đã xây dựng hệ thống đơn giá hạch toán và danh điểm vật tư, kế toán viên có trình độ cao, thủ kho có chuyên môn tốt

1.3.Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp

1.3.1. Kế toán tổng hợp theo phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh thường xuyên, liên tục có hệ thống tình hình nhập, xuất tồn kho vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán. Trong trường hợp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên các tài khoản kế toán hàng tồn kho được dùng để phản ánh số hiện có tình hình biến động tăng giảm vật tư của hàng hóa. Vì vậy giá trị hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm trong kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế, hàng tồn kho so sánh và đối chiếu với số liệu hàng tồn kho trên sổ kế toán. Về nguyên tắc số tồn kho thực tế phải luôn phù hợp với số tồn kho trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải truy tìm nguyên nhân và có giải pháp xử lý kịp thời.

Phương pháp kê khai thường xuyên áp dụng cho các đơn vị sản xuất (công nghiệp, xây lắp...) và các đơn vị thương nghiệp kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị, hàng có chất lượng cao

1.3.1.1. Tài khoản sử dụng

Để theo dõi tình hình hiện có và tình hình biến động NVL, CCDC kế toán sử dụng các tài khoản sau :

- **Tài khoản 152: “Nguyên vật liệu”**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại nguyên vật liệu trong kho của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 152- Nguyên liệu, vật liệu:

Bên nợ:

+ Trị giá nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế biến, thuê ngoài gia công, chế biến góp vốn liên doanh hoặc từ các nguồn khác.

+ Trị giá nguyên vật liệu thừa khi kiểm kê.

Bên có:

+ Trị giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh để bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc góp vốn liên doanh.

+ Trị giá nguyên vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá người mua.

- + Chiết khấu thương mại nguyên vật liệu khi mua được hưởng.
 - + Trị giá nguyên vật liệu hao hụt mất mát phát hiện khi kiểm tra.
- Số dư cuối bên Nợ: Trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kì.

- **Tài khoản 153: “ Công cụ dụng cụ”**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại công cụ dụng cụ trong kho của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 153- Công cụ dụng cụ

Bên nợ:

- + Trị giá thực tế công cụ dụng cụ nhập kho.
- + Trị giá công cụ dụng cụ phát hiện thừa khi kiểm kê.

Bên có:

- + Trị giá thực tế công cụ dụng cụ xuất kho.
 - + Trị giá thực tế công cụ dụng cụ phát hiện khi kiểm kê.
- Số dư cuối kì bên Nợ: Trị giá thực tế công cụ dụng cụ tồn kho cuối kì.

- **Tài khoản 151 “ Hàng mua đang đi đường”**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của các loại hàng hóa, vật tư mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển, ở bến cảng, bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 151- Hàng mua đang đi đường

Bên nợ: Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường.

Bên có: Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng.

Số dư cuối bên Nợ: Trị giá vật tư, hàng hóa đã mua nhưng còn đang đi đường(chưa về nhập kho đơn vị)

Ngoài ra trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như 133, 331, 111, 112,

1.3.1.2. Phương pháp hạch toán

Theo phương pháp này, sự biến động của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được tổng hợp qua sơ đồ 1.4.

1.3.2. Kế toán tổng hợp theo phương pháp kiểm kê định kì

Phương pháp kiểm kê định kì là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị hàng tồn kho cuối kì vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng hóa vật tư đã xuất dùng theo công thức:

Trị giá hàng xuất kho trong kì	=	Trị giá hàng tồn kho đầu kì	+	Trị giá hàng nhập kho trong kì	-	Trị giá hàng tồn kho cuối kì
--------------------------------	---	-----------------------------	---	--------------------------------	---	------------------------------

Theo phương pháp kiểm kê định kì, mọi biến động của vật tư hàng hóa (nhập, xuất, tồn kho) không theo dõi phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Giá trị của hàng hóa mua vào nhập kho trong kì được theo dõi phản ánh trên một tài khoản kế toán riêng (Tài khoản 611- “Mua hàng”).

Công tác kiểm kê vật tư hàng hóa được tiến hành cuối mỗi kì kế toán để xác định giá trị vật tư, hàng hóa tồn kho thực tế, trị giá hàng hóa, vật tư xuất kho trong kì (tiêu dùng cho sản xuất hoặc xuất bán) làm căn cứ ghi sổ kế toán của tài khoản 611- “Mua hàng”.

Như vậy khi áp dụng phương pháp kiểm kê định kì, các tài khoản kế toán hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kì kế toán để kết chuyển số dư đầu kì và cuối kì kế toán để phản ánh giá trị thực tế hàng tồn kho cuối kì.

Phương pháp kiểm kê định kì thường áp dụng cho các đơn vị có nhiều chủng loại hàng hóa, vật tư với quy cách mẫu mã rất khác nhau, giá trị thấp.

Phương pháp kiểm kê định kì có ưu điểm: đơn giản, giảm nhẹ khối lượng công việc hạch toán, nhưng độ chính xác về giá trị vật tư hàng hóa xuất dùng, xuất bán bị ảnh hưởng của chất lượng công tác quản lí tại kho, quầy, bến bãi.

1.3.2.1. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 611: “ Mua hàng”

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ hàng hóa mua và, nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kì.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 611- Mua hàng

Bên nợ:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Kết chuyển giá gốc hàng hóa nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho đầu kì (theo kết quả kiểm kê)

+ Giá gốc hàng hóa nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua vào trong kì, hàng hóa đã bán bị trả lại.....

Bên có:

+ Kết chuyển giá gốc hàng hóa nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho cuối kì (theo kết quả kiểm kê)

+ Giá gốc hàng hóa nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất sử dụng trong kì, hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (chưa được xác định là đã bán trong kì)

+ Giá gốc nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá.

Tài khoản này không có số dư và được chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2.

+ TK 6111: “Mua nguyên liệu, vật liệu”

+ TK 6112: “Mua hàng hóa”

*TK 152: “Nguyên liệu, vật liệu” : Dùng để phản ánh giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho, chi tiết theo từng loại.

Bên nợ: Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kì.

Bên có: Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kì.

Số dư bên Nợ: Trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kì.

- TK 151: “Hàng mua đang đi đường”

Bên nợ: Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư mua đang đi đường cuối kì.

Bên có: Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa về nhập kho đơn vị).

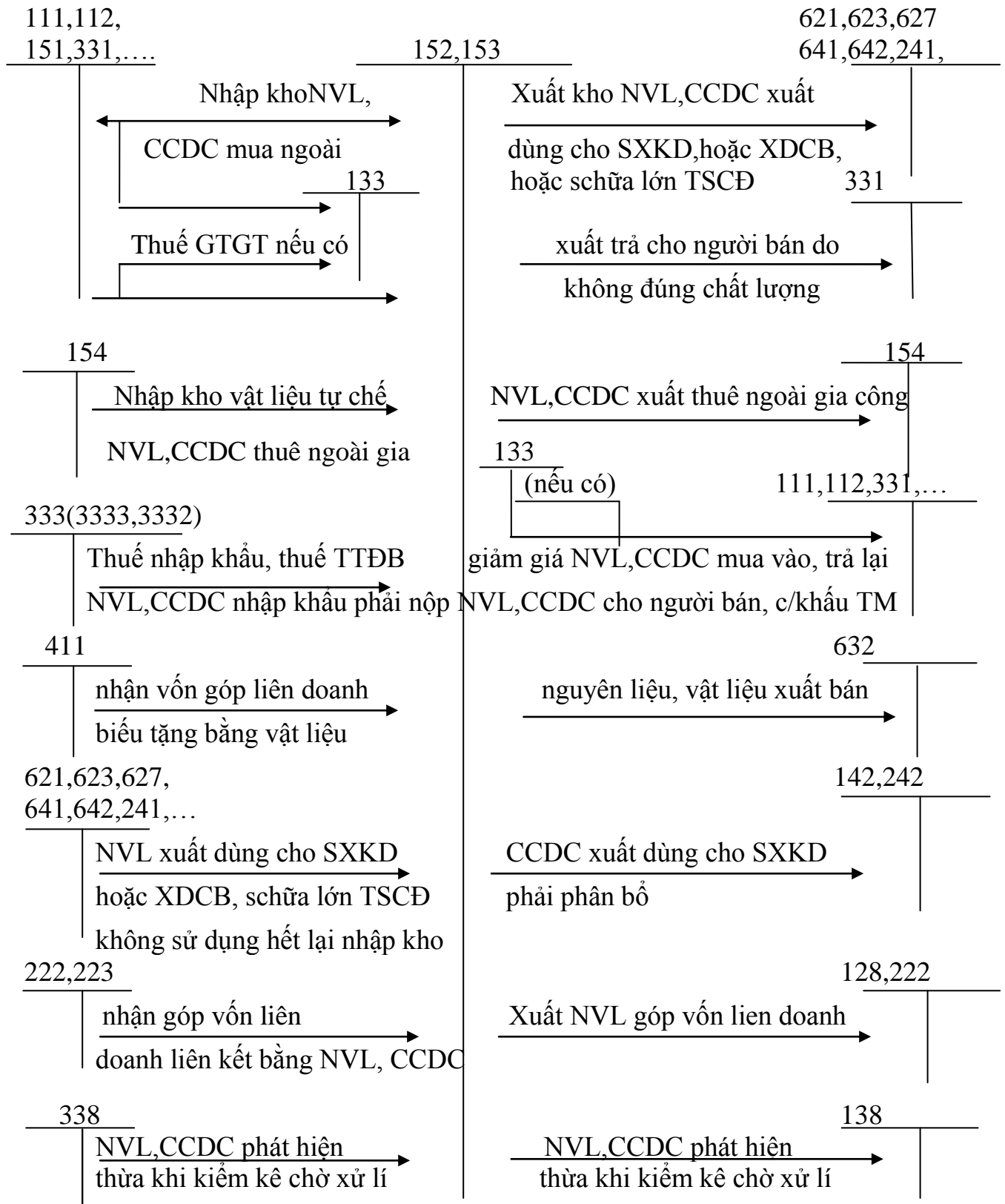
Ngoài ra, trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như: 133, 331, 111, 112,

1.3.2.2. Phương pháp hạch toán

Theo phương pháp này, sự biến động của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được tổng hợp qua sơ đồ 1.5.

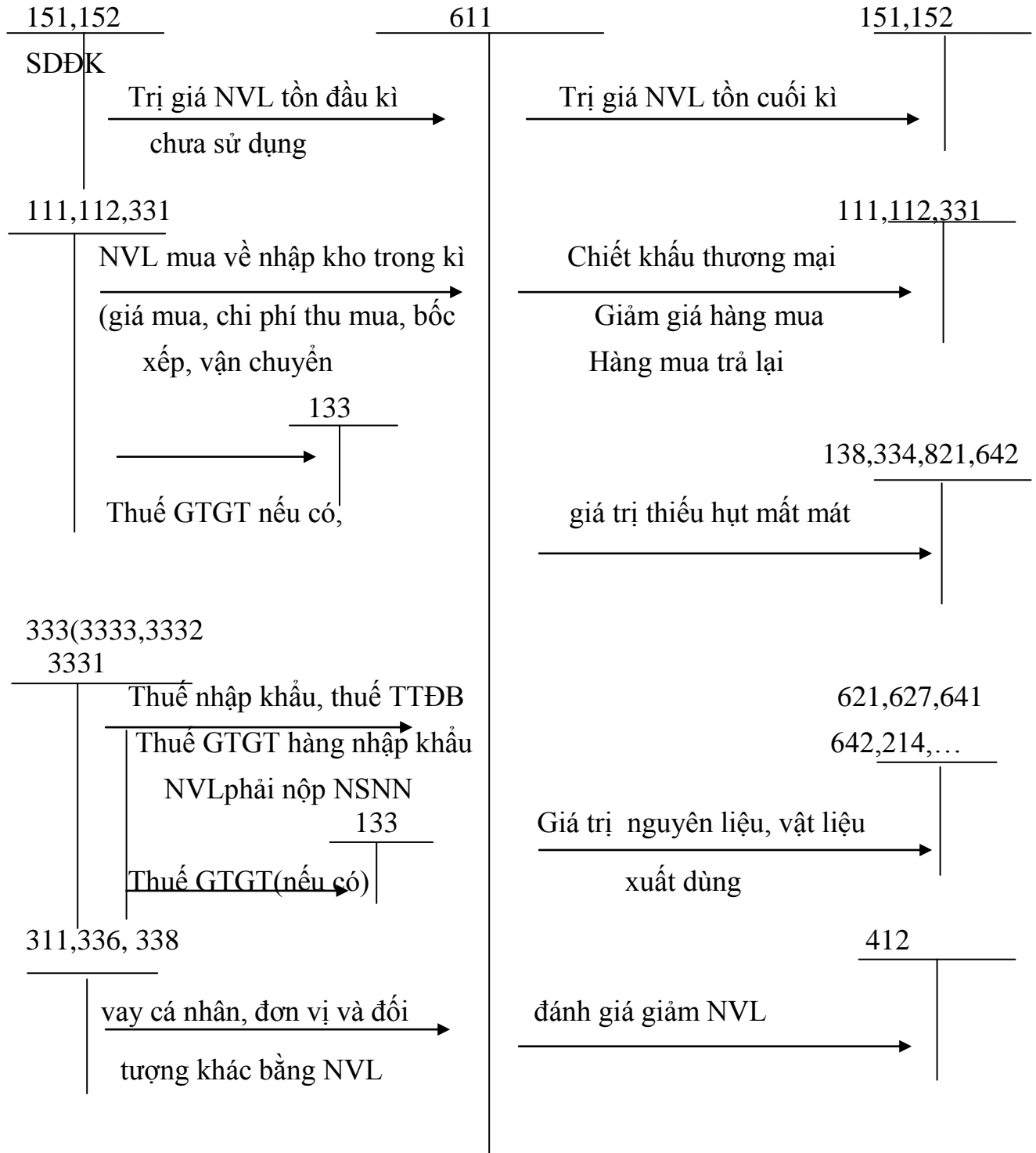
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán tổng quát nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên



KHÓA LUÂN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán tổng quát nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.4. Tổ chức sổ kế toán

Để tiến hành ghi chép sổ sách và xác định giá trị vật liệu nhập xuất tồn của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, kế toán tại doanh nghiệp sản xuất có thể áp dụng một trong các hình thức kế toán. Mỗi hình thức có hệ thống sổ sách riêng, các hình thức hạch toán riêng.

Theo chế độ kế toán hiện hành của Bộ tài chính ban hành ở nước ta hiện tồn tại 5 hình thức sổ kế toán.

Năm hình thức sổ kế toán tổng hợp là:

- ☞ Hình thức Nhật kí – sổ cái.
- ☞ Hình thức Nhật kí chung.
- ☞ Hình thức Nhật kí – chứng từ.
- ☞ Hình thức Chứng từ ghi sổ.
- ☞ Hình thức Kế toán trên máy vi tính.

⇒ Nguyên tắc và những đặc trưng cơ bản của hình thức sổ kế toán tổng hợp.

✱ **Đối với hình thức nhật kí chung:** Đặc trưng cơ bản của hình thức này là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi chép vào sổ nhật kí mà trọng tâm là sổ nhật kí chung theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán các nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật kí để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Các loại sổ kế toán chủ yếu:

- Sổ nhật kí chung.
- Sổ nhật kí đặc biệt.
- Sổ cái.
- Các sổ thẻ kế toán chi tiết.

✱ **Đối với hình thức Nhật kí - sổ cái:** Đặc trưng cơ bản là các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian với trình tự ghi sổ phân loại theo hệ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

thống toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh vào một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật kí - sổ cái.

Tách biệt việc ghi chép kế toán tổng hợp với việc ghi chép kế toán chi tiết vào hai loại sổ kế toán khác nhau là sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

Không cần lập bảng cân đối tài khoản cuối kì vì kế toán có thể kiểm tra tính chính xác của việc ghi sổ cái ở dòng cộng cuối kì của Nhật kí - sổ cái.

Các loại sổ sử dụng theo hình thức Nhật kí - sổ cái:

- Sổ Nhật kí sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

✿ **Đối với hình thức Nhật kí - chứng từ:** Đặc trưng cơ bản của Nhật kí - chứng từ là sổ kế toán tổng hợp dung để phản ánh toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên “Có” của mỗi tài khoản chỉ tập trung phản ánh trên Nhật kí - chứng từ và từ Nhật kí – chứng từ sẽ phải ghi vào Sổ cái một lần cuối tháng.

Các loại sổ sử dụng theo hình thức Nhật kí – chứng từ:

- Nhật kí chứng từ.
- Bảng kê.
- Sổ cái.
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

✿ **Đối với hình thức Chứng từ ghi sổ:** Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng kí chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng kí chứng từ ghi sổ) và có chứng từ gốc đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Các loại sổ kế toán chủ yếu:

- Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ.
- Sổ cái.
- Các sổ thẻ kế toán chi tiết.

Vật liệu, công cụ dụng cụ có vai trò hết sức quan trọng trong việc cấu thành nên thực thể của sản phẩm. Việc quản lí chặt chẽ vật liệu, công cụ dụng cụ từ khâu thu mua, vận chuyển, đưa vào sản xuất tránh được những hao hụt mất mát đảm bảo cho chất lượng sản phẩm đúng quy định hợp đồng không làm chậm tiến độ của đơn đặt hàng. Điều này sẽ làm nâng cao uy tín trách nhiệm của mỗi doanh nghiệp để có thể đứng vững trên thị trường bên cạnh đối thủ cạnh tranh gay gắt. Vì mỗi doanh nghiệp có quy trình sản xuất riêng, cách tổ chức quản lí, sản xuất riêng biệt cho nên không thể vận dụng nó theo một cách khuôn mẫu nào mà phải luôn luôn tìm tòi, sáng tạo, phát huy những năng lực có sẵn để luôn phù hợp với cơ chế thị trường.

Bất kì các doanh nghiệp nào cũng phải đối đầu với những khó khăn thử thách vì vậy không phải lúc nào công việc sản xuất kinh doanh cũng được suôn sẻ mà những rủi ro kinh doanh thì không phải là không có. Nhưng quan trọng là các doanh nghiệp phải nắm bắt được những tình hình thực tế của doanh nghiệp dự đoán điều gì sẽ xảy ra để đưa ra phương án tối ưu nhất và mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp.

1.5. Tổ chức kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được quy định trong chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho như sau:

+ Cuối kì kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá trị gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng, Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng đáng tin cậy thu nhập được tại thời điểm ước tính. Việc ước tính này phân tích đến sự biến động của giá cả..... trực tiếp liên quan đến các sự kiện diễn ra sau ngày kết thúc năm tài chính, mà các sự kiện này được xác nhận với các điều kiện có ở thời điểm ước tính. Ngoài ra, khi ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được phải tính đến mục đích của việc dự trữ hàng tồn kho.

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ để sử dụng cho mục đích sản xuất sản phẩm không được đáng giá thấp hơn giá gốc. Nếu sản phẩm do chúng góp phần tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm. Khi có sự giảm giá của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mà giá thành sản xuất sản phẩm cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho được đánh giá giảm xuống với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Để hạch toán nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng tài khoản 159-“ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Tài khoản 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho” có kết cấu như sau:

Bên nợ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập khi giảm giá vốn hàng bán trong kì.

Bên có: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kì.

Số dư cuối kì bên có: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kì. Theo thông tư số 89 về hướng dẫn thực hiện bốn chuẩn mực kế toán vào cuối kì kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kì kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kì kế toán năm trước thì số chênh lệch lớn hơn được lập thêm, ghi:

Nợ TK632: Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK159: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kì kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kì kế toán năm trước thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập, ghi:

Nợ TK159: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK632: Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HẢI PHÒNG

2.1. Khái quát chung về công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

2.1.1. *Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.*

Trước đây trong thời bao cấp, chỉ có cửa hàng bách hóa mậu dịch của Nhà nước nhằm phân phối lương thực - thực phẩm và mọi nhu yếu phẩm khác cho nhân dân. Trải qua nhiều năm bao cấp khiến nền kinh tế nước ta càng thêm lạc hậu, cuộc sống người dân càng thêm khó khăn. Đứng trước tình hình đó, Nhà nước xóa bỏ chế độ bao cấp để nhân dân được hưởng đúng những gì mình bỏ công sức ra làm. Do đó cửa hàng thủ công nghiệp của huyện An Dương được chuyển thành công ty sản xuất và kinh doanh thủ công nghiệp – tiểu công nghiệp theo quyết định số 105/QĐ-UB của UBND thành phố Hải Phòng ngày 22/12/1986.

Cùng với sự phát triển đi lên của đất nước, tiến hành công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn, ngày 18/4/1994 theo Quyết định số 631/QĐ-UB-ĐMDN đã đổi tên và thêm chức năng, nhiệm vụ mới cho công ty là công ty sản xuất và kinh doanh hàng xuất nhập khẩu Hải Phòng. Cuối thập kỷ 80 và những năm đầu thập kỷ 90 khi Liên Xô và các nước Đông Âu tan vỡ, nơi mà trước đó là thị trường chính của công ty đã khiến công ty đứng

KHÓA LUÂN TỐT NGHIỆP

trước hàng loạt khó khăn như: việc làm, thị trường, sự giao động của cán bộ công nhân viên đã làm cho công ty ngày càng khó khăn hơn.

Song với tinh thần lao động sáng tạo, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Bộ, công ty đã tìm ra được thị trường mới, đầu tư sản xuất thêm nhiều ngành nghề, đa dạng hóa các ngành nghề sản xuất.

Đất nước ngày càng mở rộng hội nhập với Thế Giới, Việt Nam chủ trương làm bạn với các nước trên Thế Giới. Sau này chúng ta bình thường hóa quan hệ với Mỹ, mở rộng làm ăn với liên minh EU, xúc tiến việc gia nhập WTO. Do đòi hỏi của việc hội nhập WTO Nhà nước đã có quyết định cổ phần hóa các công ty của Nhà nước để các công ty này phải tự kinh doanh có lãi, cạnh tranh lành mạnh, công bằng với các công ty tư nhân. Cùng với xu thế chung đó ngày 17/09/2004 công ty đã chuyển thành Công ty Cổ Phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng theo quyết định số 2231/QĐ – UB của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Sau khi tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp, công ty đã đi vào hoạt động theo luật doanh nghiệp. Tuy còn gặp rất nhiều khó khăn trước sự thay đổi chung của nền kinh tế Thế Giới và của nền kinh tế Việt Nam nói riêng nhưng trước tiên nó đã đem lại được những kết quả khả quan như: sản xuất phát triển nhanh đáp ứng được nhu cầu về đời sống vật chất cũng như tinh thần của cán bộ công nhân viên trong công ty.

Hiện nay:

- Trụ sở chính của công ty tại: Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng.
- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.
- Tên Tiếng Anh: ANPROTEX (viết tắt là: APT).
- Ngành nghề kinh doanh chính: Các mặt hàng may mặc, giày dép, hàng dân dụng.
- MST: 0200152930
- Điện thoại: 0313.749778.
- Fax: 84.31.749777.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

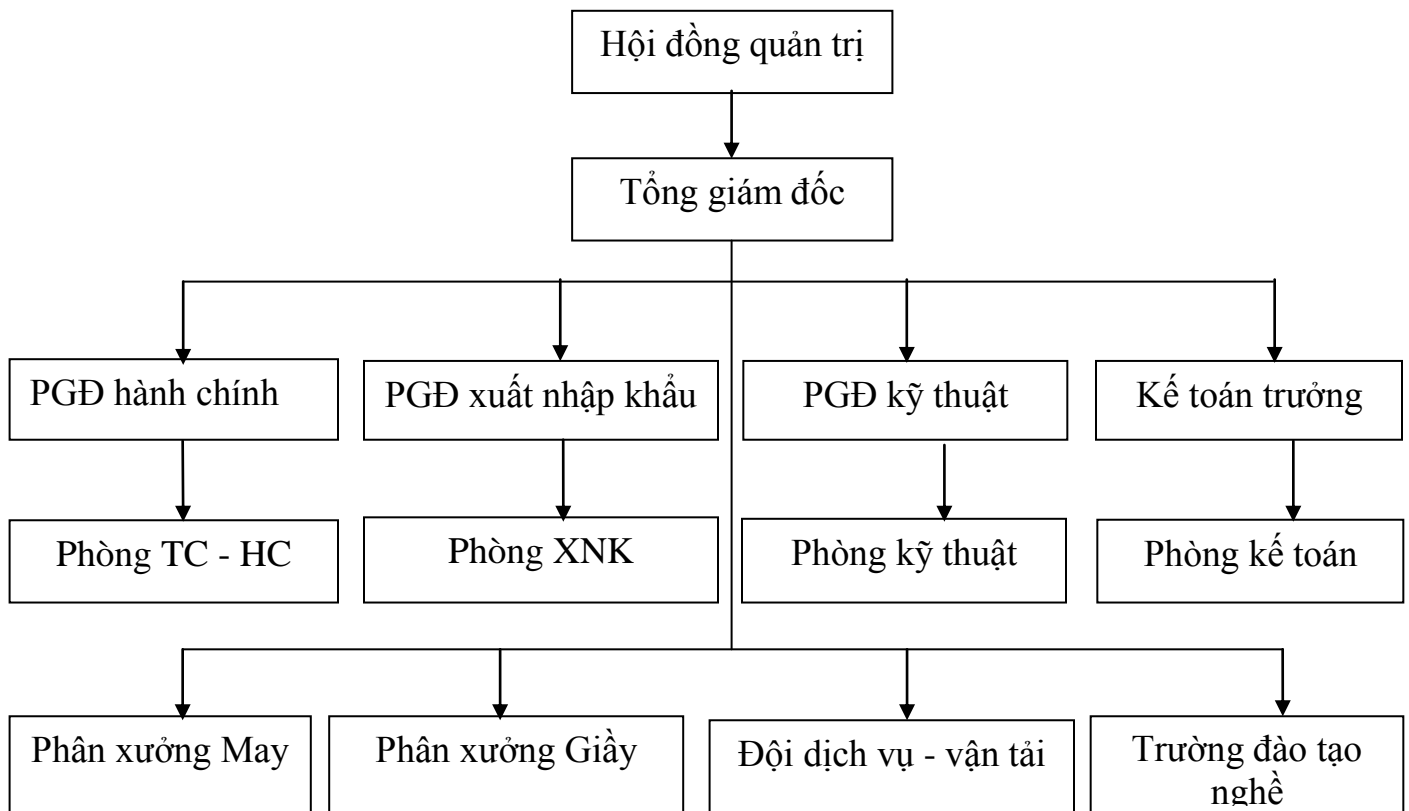
- Email: ANPROTEX@YAHOO.COM.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

Với mục đích điều hành sản xuất kinh doanh và quản lý quá trình sản xuất đạt hiệu quả cao thì bộ máy quản lý hợp lý, gọn nhẹ góp phần làm giảm chi phí, nâng cao năng suất. Để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh, công ty đã xây dựng bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến – chức năng bao gồm:

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.



✳ Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban.

Đứng đầu công ty chịu trách nhiệm chung về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty là chủ tịch hội đồng quản trị.

- Tổng giám đốc công ty: Nguyễn Minh Châu.

Để hỗ trợ cho tổng giám đốc công ty có 3 phó giám đốc:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- + Phó tổng giám đốc hành chính: Trịnh Đức Thuận.
- + Phó tổng giám đốc xuất nhập khẩu: Nguyễn Thị Hoa Anh.
- + Phó tổng giám đốc kỹ thuật: Đinh Văn Năng.

Các phòng ban chức năng của công ty cũng được đơn giản hóa rất nhiều.

Phòng TC - HC: giải quyết các vấn đề về chế độ chính sách, tuyển dụng công nhân lao động, theo dõi chấm công...

Phòng XNK: là bộ phận chính của công ty, chuyên làm thủ tục cho bên đặt hàng và bên đặt gia công đưa sang và làm thủ tục để xuất hàng sang các thị trường do bên đặt hàng và bên đặt gia công chỉ định.

Phòng kỹ thuật: theo dõi, giám sát kỹ thuật trong xưởng may theo đúng quy định của bên đặt hàng yêu cầu.

Phòng kế toán: theo dõi tập hợp đầy đủ các chứng từ thu chi làm lương thợ phụ cấp theo quy định cho cán bộ công nhân viên trong công ty, quyết toán cân đối lãi - lỗ theo tháng quý năm, tình hình thực hiện Ngân sách nhà nước (nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản khác): tính toán chia cổ phần hàng năm cho các cổ đông...

Các xí nghiệp trực thuộc công ty:

Phân xưởng May: Đây là phân xưởng chính của công ty, chuyên may mặc quần áo theo đơn đặt hàng và bên đặt gia công xuất khẩu theo đơn đặt hàng của các đối tác đặt hàng. Xí nghiệp có hơn 100 công nhân chia làm 8 tổ may còn lại là tổ hoàn chỉnh sản phẩm (tổ là ủi, đóng gói sản phẩm...), tổ nhặt chỉ, công nhân ăn lương theo sản phẩm, được hưởng quyền lợi chế độ theo đúng quy định của Luật lao động.

Phân xưởng Giày: có 35 công nhân.

Đội dịch vụ vận tải: có 10 công nhân.

Trường đào tạo nghề: tuyển sinh dạy nghề may công nghiệp, thợ hàn, thợ điện...sau khóa học được cấp chứng chỉ học nghề và được ưu tiên vào làm việc tại công ty nếu có nguyện vọng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty

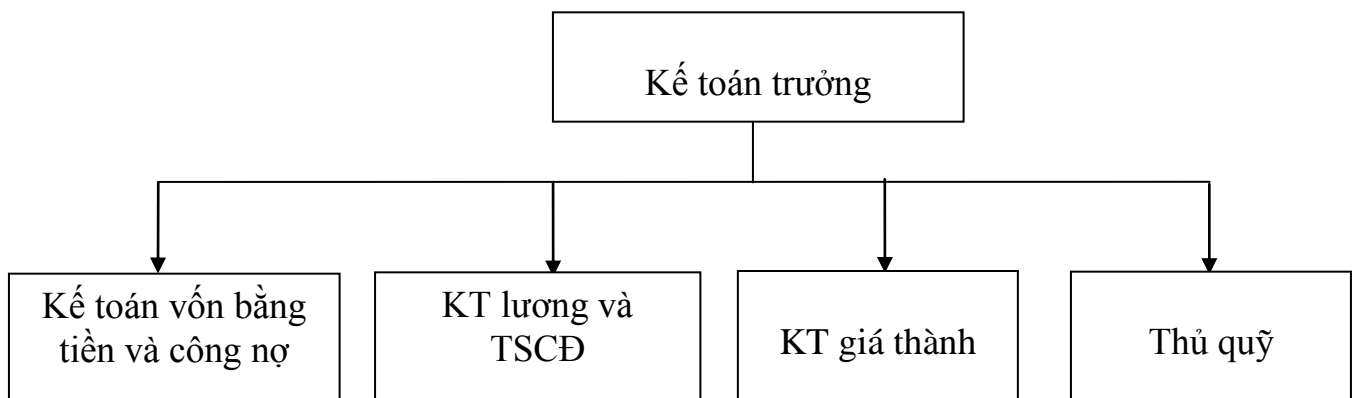
Để đảm bảo cho bộ máy kế toán của công ty hoạt động có hiệu quả phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty, công ty đã tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung.

Công ty không có các kế toán viên tại mỗi phân xưởng mà chỉ có các nhân viên thống kê làm nhiệm vụ kiểm tra chứng từ, định kỳ gửi các chứng từ về phòng kế toán để kế toán viên hạch toán vào sổ sách.

Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty tương đối gọn nhẹ bao gồm:

- Kế toán trưởng.
- Kế toán vốn bằng tiền và công nợ.
- Kế toán lương và TSCĐ.
- Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.
- Thủ quỹ.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.



✳ Chức năng nhiệm vụ của mỗi bộ phận kế toán.

Kế toán trưởng: Chịu trách nhiệm trước giám đốc về chế độ hạch toán kế toán, quản lý vốn, kí các chứng từ kế toán định khoản trên sổ sách hồ sơ toàn công ty lưu trữ, tổng hợp quyết toán toàn công ty, lập báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Công tác quản lý tài chính, tổ chức kế toán toàn công ty thực hiện nghiêm chỉnh luật kế toán, luật thuế cũng như các quy định của pháp luật nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- Thực hiện chức năng kiểm soát viên tài chính của công ty.

- Tổ chức chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra tài chính thường xuyên và theo quý, sáu tháng, cả năm cho tất cả các đơn vị nội bộ. Tuân thủ các quy định về thanh tra, kiểm tra của cấp trên cũng như các cơ quản lý của nhà nước.

- Là người đề xuất, soạn thảo, điều chỉnh các quy chế tài chính nội bộ để giám đốc duyệt.

Kế toán vốn bằng tiền và công nợ: Kiểm duyệt chứng từ, tài liệu và viết phiếu thu, chi những vụ việc phát sinh thanh toán trong công ty và các đơn vị trực thuộc.

Kế toán lương và TSCĐ: Theo dõi và tính lương, khấu hao TSCĐ.

Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm: Theo dõi, tập hợp chi phí và tính giá thành cụ thể cho từng sản phẩm đảm bảo một cách chính xác và kịp thời.

Thủ quỹ : Theo dõi công nợ với ngân hàng, khách hàng, viết phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi.

2.1.3.2. Tổ chức hệ thống chứng từ tại công ty

Công ty vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo Quyết định số 15/2006 ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

2.1.3.3. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán.

Công ty vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo Quyết định số 15/2006 ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán.

Để phù hợp với sản xuất kinh doanh thực tế của công ty, hiện nay công ty đang áp dụng hình thức Nhật kí chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật kí chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật kí, mà trọng tâm là sổ Nhật kí

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế(định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật kí để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

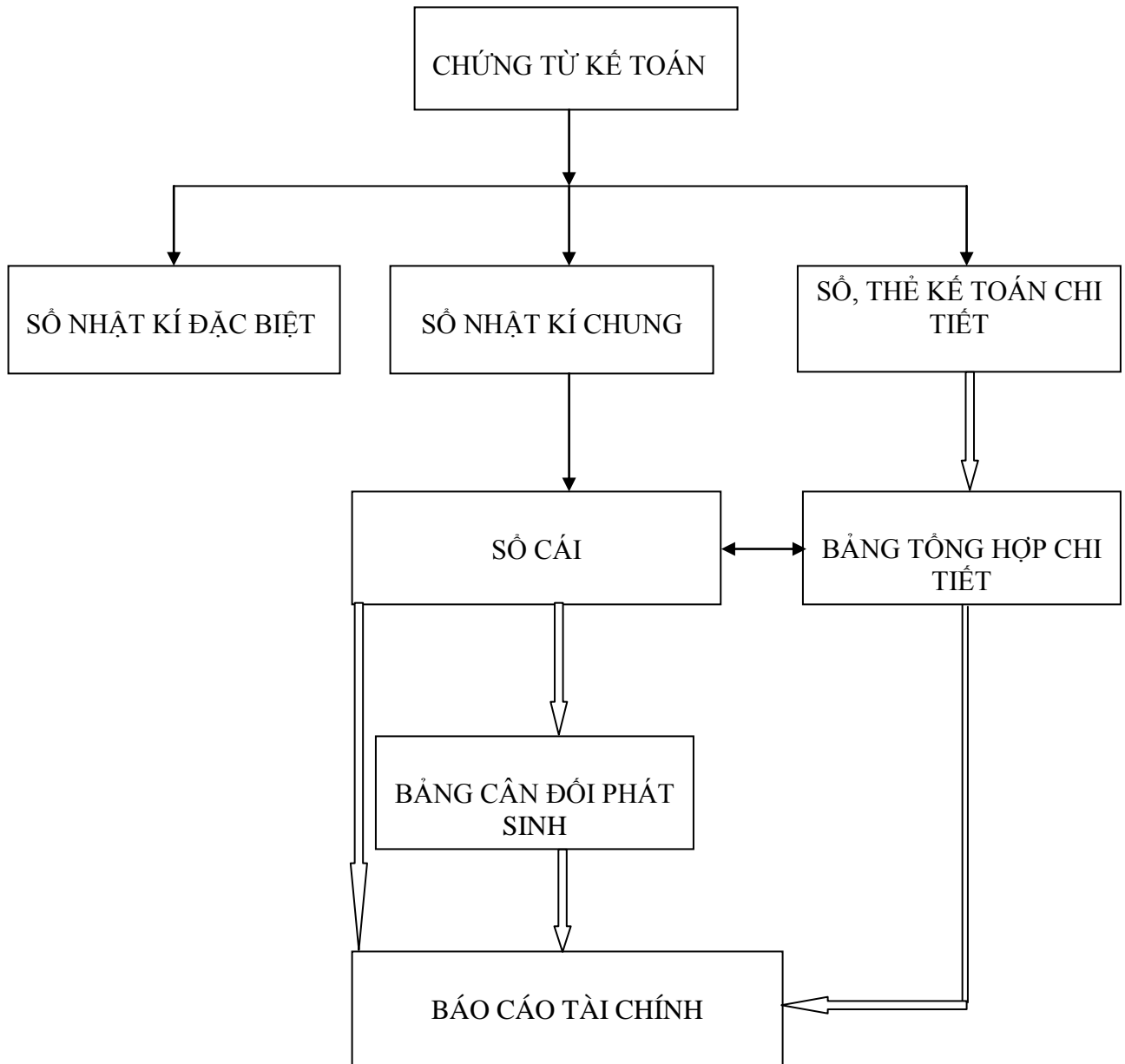
Hình thức kế toán Nhật kí chung bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật kí chung, Sổ Nhật kí đặc biệt.
- Sổ cái.
- Các Sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Quy trình hạch toán theo hình thức Nhật kí chung được mô tả theo sơ đồ sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán của công ty theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hằng ngày: \longrightarrow

Quan hệ đối chiếu: \longleftrightarrow

Ghi định kỳ hoặc hàng tháng: \longrightarrow

2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DN)

2.2.Thức trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Cổ phần Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hải Phòng

2.2.1. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

2.2.1.1. Phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Do đặc điểm sản xuất của công ty là ngành may mặc nên để phục vụ cho sản xuất kinh doanh Công ty phải sử dụng đến rất nhiều loại nguyên vật liệu:

Nguyên liệu may: vải chính, vải lót, bông,

Các vật liệu khác: kim, chỉ, phấn may, kéo, thước,

Như vậy, để thuận tiện cho công tác quản lý, theo dõi vật liệu, công cụ dụng cụ Công ty tiến hành phân loại thành các nhóm sau:

- Nhóm nguyên vật liệu chính bao gồm: vải chính, vải lót, bông.....
- Nhóm vật liệu phụ bao gồm: kim, chỉ, phấn may,
- Công cụ dụng cụ bao gồm: Những tài sản dụng cụ sản xuất không đủ tiêu chuẩn là TSCĐ về mặt giá trị và thời gian sử dụng dùng cho công tác quản lý và phục vụ quá trình sản xuất như: bàn ghế làm việc. tủ tài liệu, quần áo bảo hộ cho công nhân, kéo may, thước đo,.....

2.2.1.2.Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là công tác quan trọng trong việc tổ chức hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là dung tiền để biểu hiện giá trị của chúng. Hiện nay, công ty hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được tính theo giá gốc. Kế toán xác định giá nhập và xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ như sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

☞ *Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho*

Với đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty nên nguồn nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ sản xuất chủ yếu là nguyên vật liệu mua ngoài

Giá thực tế NVL,CCDC nhập kho	=	Giá mua ghi trên HĐ GTGT (giá chưa có thuế VAT)	+	Chi phí thu mua	-	Các khoản giảm trừ (CKTM, giảm giá)
-------------------------------------	---	---	---	--------------------	---	---

Chi phí thu mua thực tế bao gồm: chi phí vận chuyển, bốc dỡ, bảo quản, chi phí thuê kho, thuê bãi, tiền phạt, tiền bồi thường....

VD1: Ngày 7/12/2010 mua 100 cuộn chỉ 5000m và 500 cuộn 7000m của công ty cổ phần xuất nhập khẩu Tiến Vinh theo hóa đơn số 0038491(biểu2.1)

-Chi: $(100 \times 15.000) + (500 \times 100.000) = 51.500.000$

-Tiền thuế GTGT 10%: $5.150.000$

-Tổng thanh toán: $56.650.000$

Vậy giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho là : $51.500.000$

☞ *Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho*

Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hải Phòng xác định giá thực tế xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ. Theo phương pháp này NVL, CCDC đến cuối tháng kế toán xác định đơn giá bình quân để tính trị giá hàng xuất kho.

Kế toán phải hạch toán kịp thời, chi tiết số lượng vật liệu, công cụ dụng cụ xuất dùng để còn lên kế hoạch sử dụng sao cho hợp lí, ổn định không bị gián đoạn trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

☞ Phương pháp bình quân gia quyền cả kì:

Trị giá thực tế xuất kho	=	Số lượng xuất	x	Giá đơn vị bình quân cả kì dự trữ
-----------------------------	---	---------------	---	-----------------------------------

Giá đơn vị bình quân cả kì dự trữ	=	GTTT vật tư, hàng hóa tồn đầu kì	+	GTTT vật tư hàng hóa nhập trong kì
		Số lượng vật tư, hàng hóa tồn đầu kì	+	Số lượng vật tư, hàng hóa nhập trong kì

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

VD2: Tình hình nhập xuất tồn của vải Jacket trong tháng 12 như sau:

- Tồn đầu kì: SL: 200m, ĐG: 50.200đ/m
- Ngày 1/12/2010 nhập kho: SL: 500m, ĐG: 50.200 đ/m
- Ngày 5/12/2010 nhập kho: SL: 1.200m, ĐG: 50.200đ/m
- Ngày 7/12/2010 xuất kho: SL: 800m
- Ngày 8/12/2011 nhập kho: SL: 1.500m, ĐG: 50.500đ/m
- Ngày 20/10/2/2010 nhập kho: SL: 1.000m, ĐG: 50.600đ/m
-

$$\begin{aligned} \text{Trị giá xuất kho của vải Jacket là:} &= \frac{50.200 \times 200 + 50.200 \times 500 + \dots +}{200 + 500 + \dots +} \\ &= 50.100 \text{đ/m} \end{aligned}$$

☞ **Đối với công cụ dụng cụ xuất kho thì xảy ra 3 trường hợp:**

+ Phân bổ 1 lần

Theo phương pháp này khi xuất dùng công cụ dụng cụ, kế toán phân bổ toàn bộ giá trị của nó vào chi phí sản xuất kinh doanh của kì xuất dùng. Phương pháp này chỉ nên sử dụng trong trường hợp giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng nhỏ hoặc thời gian sử dụng ngắn.

+ Phân bổ 50%

Giá trị còn lại của CCDC báo hỏng	=	$\frac{\text{GTTT của CCDC hỏng}}{2}$	-	Giá trị phế liệu thu hồi	-	Tiền bồi thường vật chất
-----------------------------------	---	---------------------------------------	---	--------------------------	---	--------------------------

Theo phương pháp này khi xuất dùng công cụ dụng cụ, kế toán tiến hành phân bổ 50% giá trị công cụ dụng cụ vào chi phí sản xuất kinh doanh của kì xuất dùng. Khi các bộ phận báo hỏng công cụ dụng cụ. Kế toán tiến hành phân bổ giá trị còn lại của công cụ dụng cụ bị hỏng vào chi phí sản xuất kinh doanh của kì báo hỏng.

+ Phân bổ nhiều lần :

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Theo phương pháp này, căn cứ vào giá trị công cụ dụng cụ và thời gian sử dụng hoặc số lần dự kiến để tính ra mức phân bổ cho một kì hoặc một lần sử dụng

Mức phân bổ công cụ dụng cụ trong một kì hoặc 1 lần sử dụng	=	$\frac{\text{Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng}}{\text{Số kì hoặc số lần sử dụng}}$
---	---	---

Căn cứ vào mức phân bổ nói trên, định kì kế toán phân bổ giá trị của công cụ dụng cụ vào chi phí sản xuất kinh doanh.

2.2.2. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty

2.2.2.1. Thủ tục nhập – xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

** Quá trình thu mua được diễn ra như sau:*

- Kế toán căn cứ vào “ Đơn đặt hàng” để tính xem lượng vật tư cần cho đơn đặt hàng là bao nhiêu, đối chiếu với Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ xem nguyên vật liệu còn hay đã dùng hết, lập danh sách các vật tư cần mua rồi đưa cho giám đốc duyệt. Kế toán ghi vào “ Sổ đề nghị mua vật tư”.

- Sau khi giám đốc duyệt, kế toán vật tư đưa số lượng vật tư cần mua cho nhân viên cung ứng vật tư để mua.

- Thủ kho kiểm tra số lượng và chất lượng căn cứ vào HĐ GTGT, biên bản giao hàng, HĐ bán lẻ và tiến hành nhập kho

- Kế toán kiểm tra số lượng thực tế và số lượng ghi trên chứng từ xem khớp hay chưa rồi tiến hành viết phiếu nhập. Phiếu nhập kho gồm 3 liên.

** Quá trình thanh toán:*

- Nhân viên kế toán sẽ thanh toán cho người bán bằng nhiều hình thức như: thanh toán bằng chuyển khoản. nợ trả sau, trả bằng tiền mặt.

- Căn cứ vào nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ của từng đơn đặt hàng về mặt số lượng, chủng loại do phòng kĩ thuật kế hoạch, lập bảng “ Dự trữ vật tư”. Kế toán vật tư dựa vào “ Hồ sơ dự toán ” và bảng “ Dự trữ vật tư ” tính xem số lượng vật tư cần cho đơn đặt hàng là bao nhiêu. Đối chiếu với thẻ kho xem nguyên vật liệu còn hay

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

đã dùng hết, lập danh sách các vật tư cần mua rồi đưa cho giám đốc duyệt. Khi giám đốc đồng ý duyệt, kế toán vật tư cấp số liệu cần mua cho nhân viên cung ứng vật tư mua.

- Thủ tục nhập nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

+ Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trước khi nhập kho phải được kiểm nghiệm về số lượng, quy cách, chất lượng, chủng loại. Mục đích của kiểm nghiệm là xác định, số lượng, quy cách, chất lượng vật liệu của người bán trước khi nhập kho và làm căn cứ quy trách nhiệm rõ ràng trong khi bảo quản đến khi xuất kho.

Căn cứ vào hóa đơn bán hàng của người bán kế toán vật tư tiến hành viết phiếu nhập vật tư.

Phiếu nhập vật tư được viết làm 3 liên:

+ Một liên lưu lại ở phòng tài vụ - vật tư

+ Một liên thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho

+ Một liên để giao cho cán bộ vật tư kèm theo hóa đơn khi thanh toán

- Thủ tục xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Khi các đơn đặt hàng có nhu cầu sử dụng vật liệu, công cụ dụng cụ căn cứ vào số lượng hàng đặt, căn cứ vào nhu cầu sản xuất, căn cứ vào định mức hao phí vật liệu các tổ máy xin lĩnh vật tư. Sau khi giám đốc duyệt phòng tài vụ cử nhân viên cung ứng vật tư chuẩn bị vật tư cho các tổ.

Phiếu xuất vật tư được viết làm 3 liên:

+ Một liên lưu lại ở phòng tài vụ - vật tư

+ Một liên thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho

+ Một liên để giao cho các tổ máy

Hiện tại Công ty sử dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ để tính giá xuất kho.

2.2.2.2. Phương pháp kế toán chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Cổ Phần Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hải Phòng

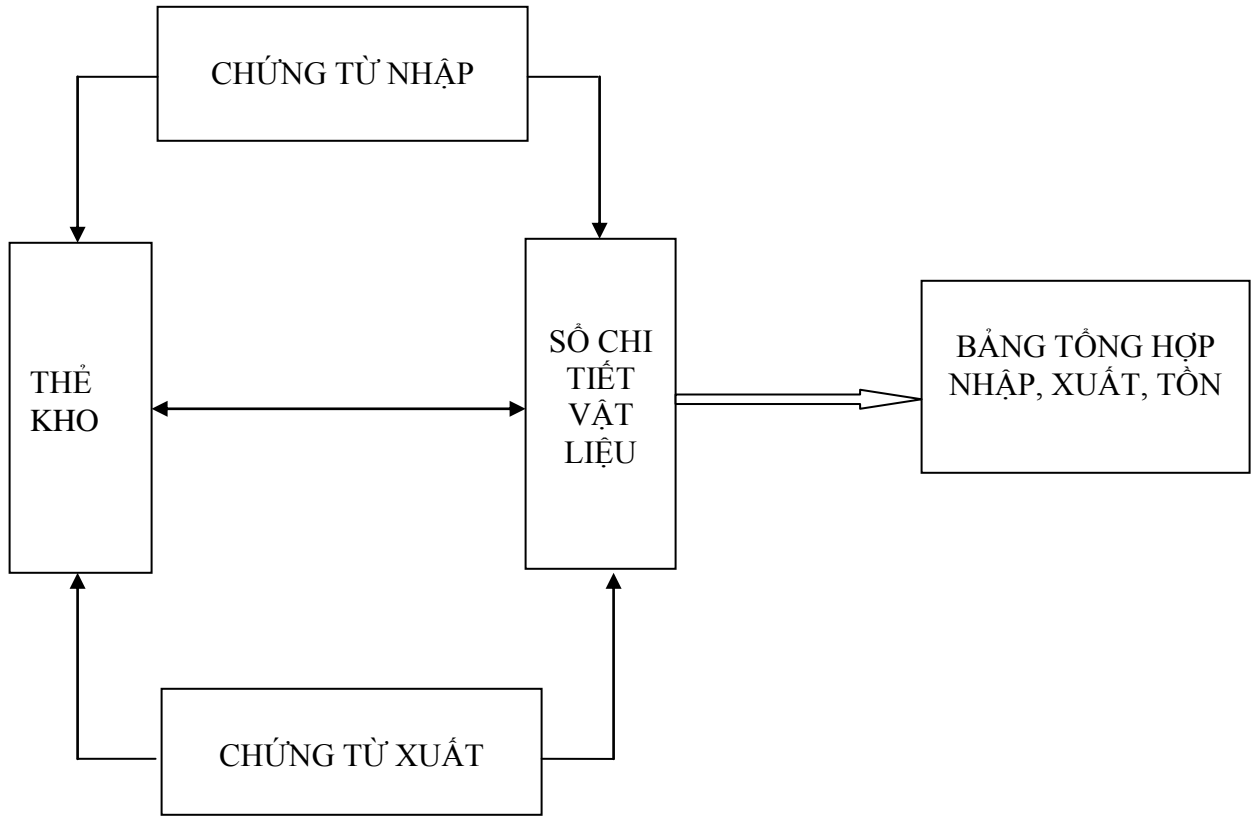
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm. Thông thường trong cấu tạo của giá thành sản phẩm thì chi phí về vật liệu chiếm tỉ trọng khá lớn, nên việc sử dụng tiết kiệm vật liệu và sử dụng đúng mục đích, đúng kế hoạch có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ thấp giá thành sản phẩm và thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty được thực hiện theo phương pháp thẻ song song.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty



Ghi chú:

Ghi hằng ngày: \longrightarrow

Quan hệ đối chiếu: \longleftrightarrow

Ghi định kì hoặc hàng tháng: \Longrightarrow

• Ở kho: Việc ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn do thủ kho tiến hành trên thẻ kho và chỉ ghi chép theo chỉ tiêu số lượng. Thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất kho được tập hợp cho từng loại vật liệu, công cụ dụng cụ. Mỗi loại mở cho một thẻ kho, mỗi ngày thủ kho ghi vào thẻ kho.

-Đối với chứng từ nhập kho, thủ kho ghi đầy đủ ngày nhập kho, số lượng.

-Đối với chứng từ xuất kho thủ kho ghi đầy đủ số ngày, số lượng vật liệu, công cụ dụng cụ thực tế xuất kho của từng phiếu xuất kho.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mỗi ngày thủ kho căn cứ vào số liệu trên phiếu xuất kho và tính ra số lượng tồn kho trong ngày.

Dòng tổng cộng của thẻ kho đem đối chiếu với sổ chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ.

Cuối tháng kế toán tiến hành cộng sổ và đối chiếu với thẻ kho đồng thời lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn về mặt giá trị của từng loại vật liệu, công cụ dụng cụ.

- Ở phòng kế toán: Kế toán vật tư mở thẻ kế toán chi tiết vật liệu cho từng danh điểm vật tư tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Thẻ này có nội dung tương tự thẻ kho, chỉ khác là theo dõi cả về mặt giá trị hàng ngày hoặc định kì khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho

VD1:

Ngày 7/10/2010 mua 100 cuộn chỉ 5000m và 500 cuộn 7000m của công ty cổ phần xuất nhập khẩu Tiến Vinh theo hóa đơn số 0038491 (biểu2.1)

-Kế toán tiến hành nhập kho theo phiếu nhập số 152 (biểu2.2)

-Ngày 7/10/2010 xuất kho phục vụ sản xuất theo phiếu xuất số 184 (biểu2.3)

-Từ phiếu nhập số152, phiếu xuất số 184 thủ kho vào thẻ kho (biểu2.4)

-Kế toán vào sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (biểu2.5)

-Đồng thời kế toán lập bảng kê xuất nguyên vật liệu (biểu 2.6)

-Cuối tháng lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn, lập bảng phân bổ công cụ dụng cụ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.1 Hóa đơn GTGT số 0038491 mua chỉ của công ty Tiến Vinh

HOÁ ĐƠN		<i>Mẫu số 01 - GTKT - 3LL</i>											
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		GN/2010B											
<i>Liên 2: Giao cho khách hàng</i>		0038491											
Ngày 07 tháng 10 năm 2010													
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Tiến Vinh													
Địa chỉ: 40/361 Trung Hòa – Cầu Giấy – Hà Nội													
Điện thoại:													
MST: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>1</td><td>0</td><td>1</td><td>9</td><td>1</td><td>4</td><td>9</td><td>3</td><td>4</td></tr></table>				0	1	0	1	9	1	4	9	3	4
0	1	0	1	9	1	4	9	3	4				
Họ tên người mua hàng: Công ty cổ phần SX&XNK Hải Phòng													
Đơn vị:													
Địa chỉ: Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng													
Điện thoại:													
MST: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>1</td><td>5</td><td>2</td><td>9</td><td>3</td><td>0</td></tr></table>				0	2	0	0	1	5	2	9	3	0
0	2	0	0	1	5	2	9	3	0				
Hình thức thanh toán: TM													
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền								
A	B	C	1	2	3= 1*2								
1	Chỉ 5000m	Cuộn	100	15.000	1.500.000								
2	Chỉ 7000m	Cuộn	500	100.000	50.000.000								
Cộng tiền hàng:					51.500.000								
Tiền thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		5.150.000								
Tổng cộng tiền thanh toán:					56.650.000								
Số tiền bằng chữ: Năm mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng.													
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị									
(Kí, họ tên)		(Kí, họ tên)		(Kí, họ tên)									

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.2 Phiếu nhập kho số 152

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng
Địa chỉ : Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng Bàng – Hải
Phòng

Mẫu số 02 - AT
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 07 tháng 10 năm 2010

Số : PN152
Nợ TK 152:
Nợ TK 133:
Có TK 331:

Họ tên người giao hàng : **Đình Hoàng Băng**

Theo HĐGTGT ngày: 07/10/2010

Nhập tại kho : **Công ty cổ phần SX & XNK Hải Phòng.**

STT	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Chỉ 5000m		Cuộn	100	100	15.000	1.500.000
2	Chỉ 7000m		Cuộn	500	500	100.000	50.000.000
3							
4							
	Cộng						51.500.000

Cộng thành tiền (viết bằng chữ) : Năm mươi một triệu năm trăm nghìn.

Người lập phiếu
(đã ký)

Người nhận hàng
(đã ký)

Thủ kho
(đã ký)

Kế toán trưởng
(đã ký)

Giám đốc
(đã ký)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.3 Phiếu xuất kho số 184

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng
Địa chỉ : Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng Bàng – Hải
Phòng

Mẫu số 02 - AT
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 07 tháng 10 năm 2010

Số : PX184

Nợ TK621:

Có TK 152:

Họ tên người giao hàng: **Hoàng Thị Nga**

Ngày: 7/10/2010

Lý do xuất: phục vụ phân xưởng may

Xuất tại kho : Nguyên vật liệu

STT	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Chỉ 5000m		Cuộn	100	100		
2							
	Cộng						

Cộng thành tiền (viết bằng chữ) :

Người lập phiếu
(đã ký)

Người nhận hàng
(đã ký)

Thủ kho
(đã ký)

Kế toán trưởng
(đã ký)

Giám đốc
(đã ký)

Biểu 2.4 Trích thẻ kho chỉ cuộn 5000m tháng 10/2010

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng.
Địa chỉ : Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng bàng
– Hải Phòng.

Mẫu số S12 – DN
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/10/2010

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: **Chỉ cuộn 5000m**

Đơn vị tính : m

Mã số: C5000

STT	Ngày Tháng	Chứng từ		Diễn Giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Xác nhận của KT
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Số dư đầu kỳ (T10/2010)				531	
	
	04/10	PN148		NK của cty Tiến Vinh	04/10	200		980	
	07/10	PN152		NK của cty Tiến Vinh	07/10	100		1.520	
	07/10		PX184	XK phục vụ SX	07/10		100	1.510	
	
	20/10		PX259	XK phục vụ SX	20/10		700	130	
	
				Cộng phát sinh		1.552	1.800		
				Số dư cuối kỳ				283	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thủ kho
(đã kí)

Kế toán trưởng
(đã kí)

Giám đốc
(đã kí)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.5 Trích sổ chi tiết nguyên vật liệu, chỉ 5000m trong tháng 10/2010

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng
Địa chỉ : Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng bàng – Hải Phòng.

Mẫu số S10-DN
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 10 năm 2010

Tài khoản: 152

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu: Chỉ 5000m

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số	Ngày tháng				SL	TT	SL	TT	SL	TT
A	B	C	D	1	2	3=1×2	4	5=1×4	6	7=1×6
		Số dư đầu T10		15.100					531	8.018.100
		Số phát sinh:								
...
PN148	04/10	Nhập kho	331	15.300	200	3.060.000			980	
...
PN152	07/10	Nhập kho	331	15.000	100	1.500.000			1.520	
PX184	07/10	Xuất kho	627				100		1.510	
...
PX259	20/10	Xuất kho	627				700		130	
...
		Tổng cộng:	×	×	1.552	23.512.800	1.800			
		Số dư cuối kỳ							283	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.6 Trích bảng kê xuất nguyên vật liệu chỉ 5.000m tháng 10/2010

BẢNG KÊ XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 10

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu: Chỉ 5000m

Chứng từ		Diễn giải	Xuất	
Số	Ngày tháng		SL	TT
A	B	C	4	5=1×4
		Số phát sinh:		
...
PX184	07/10	Xuất kho	100	
...
PX259	20/10	Xuất kho	700	
...
		Tổng cộng:	1.800	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

VD2:

Ngày 5/10/2010 căn cứ vào bảng dự trữ vật tư, kế toán vật tư kiểm tra sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ rồi lập giấy đề nghị mua vật tư gửi giám đốc.

-Khi giám đốc duyệt kế toán vật tư đưa số lượng cần mua cho nhân viên cung ứng vật tư.

-Ngày 8/10/2010 căn cứ HĐGTGT số 0061325 (biểu 2.7) thủ kho và kế toán vật tư tiến hành kiểm tra số lượng và tiến hành viết phiếu nhập kho số 161 (biểu 2.8)

-Ngày 9/10/2010 xuất kho phục vụ sản xuất theo phiếu xuất số 198 (biểu 2.9)

-Từ phiếu nhập, phiếu xuất thủ kho ghi nhận vào thẻ kho (biểu 2.10), đồng thời kế toán vật tư ghi vào sổ chi tiết vật liệu (biểu 2.11), lập bảng kê xuất nguyên vật liệu (biểu 2.12)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.7 Hóa đơn GTGT số 0061325 mua vải cotton, vải trần may áo sơ mi nam

<i>Mẫu số 01 - GTKT - 3LL</i>															
HOÁ ĐƠN				AX/2010B											
GIÁ TRỊ GIA TĂNG				0061325											
<i>Liên 2: Giao cho khách hàng</i>															
Ngày 08 tháng 10 năm 2010															
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM&DV Kim Ngân															
Địa chỉ: Số 10 Tôn Đức Thắng- Hải Phòng															
Điện thoại:															
MST: <table border="1" style="display: inline-table;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>2</td><td>2</td><td>3</td><td>7</td><td>5</td><td>9</td></tr></table>						0	2	0	2	2	3	7	5	9	
0	2	0	2	2	3	7	5	9							
Họ tên người mua hàng: Công ty cổ phần SX&XNK Hải Phòng															
Đơn vị:															
Địa chỉ: Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng															
Điện thoại:															
MST: <table border="1" style="display: inline-table;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>1</td><td>5</td><td>2</td><td>9</td><td>3</td><td>0</td></tr></table>						0	2	0	0	1	5	2	9	3	0
0	2	0	0	1	5	2	9	3	0						
Hình thức thanh toán: TM															
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền										
A	B	C	1	2	3= 1*2										
1	Vải cotton	m	2.000	50.000	100.000.000										
2	Vải trần	m	800	20.000	16.000.000										
Cộng tiền hàng:					116.000.000										
Tiền thuế suất thuế GTGT:			Tiền thuế GTGT:		11.600.000										
Tổng cộng tiền thanh toán:					127.600.000										
Số tiền bằng chữ: Một trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng.															
Người mua hàng (Kí, họ tên)		Người bán hàng (Kí, họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Kí, họ tên)											

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.8 Phiếu nhập kho số 161

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng

Địa chỉ : Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng Bàng
– Hải Phòng

Mẫu số 02 - AT

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 08 tháng 10 năm 2010

Số : PN161

Nợ TK 152:

Nợ TK 133:

Có TK 111:

Họ tên người giao hàng : **Đinh Hoàng Băng**

Theo HĐGTGT ngày: 08/10/2010

Nhập tại kho : **Công ty cổ phần SX & XNK Hải Phòng.**

STT	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Vải cotton		m	2.000	2.000	50.000	100.000.00
2	Vải trần		m	800	800	20.000	16.000.000
	Cộng						122.500.000

Cộng thành tiền (viết bằng chữ) : Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng.

Người lập phiếu
(đã ký)

Người nhận hàng
(đã ký)

Thủ kho
(đã ký)

Kế toán trưởng
(đã ký)

Giám đốc
(đã ký)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.9 Phiếu xuất kho số 198

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng
Địa chỉ : Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng Bàng
– Hải Phòng

Mẫu số 02 - AT
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 09 tháng 10 năm 2010

Số : PX198
Nợ TK621:
Có TK 152:

Họ tên người giao hàng: **Hoàng Văn Ba**

Ngày: 09/10/2010

Lý do xuất: phục vụ phân xưởng may

Xuất tại kho : Nguyên vật liệu

STT	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Vải cotton		m	2.000	2.000		
	Cộng						

Cộng thành tiền (viết bằng chữ) :

Người lập phiếu
(đã ký)

Người nhận hàng
(đã ký)

Thủ kho
(đã ký)

Kế toán trưởng
(đã ký)

Giám đốc
(đã ký)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.10 Trích thẻ kho vải cotton tháng 10/2010

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng.
Địa chỉ : Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng bàng
– Hải Phòng.

Mẫu số S12 – DN
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 08/10/2010

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: **vải cotton**

Đơn vị tính : m

Mã số:

S T T	Ngày Tháng	Chứng từ		Diễn Giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Xác nhận của KT
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Số dư đầu kỳ (T10/2010)				200	
	
	05/10	PN158		NK của cty TNHH TM&DV Kim Ngân	05/10	500		400	
	
	08/10	PN161		NK của cty TNHH TM&DV Kim Ngân	08/10	2.000		2.250	
	09/10		PX198	XK phục vụ SX	09/10		2.000	250	
	
	15/10		PX215	XK phục vụ SX	15/10		350	1.900	
	
				Cộng phát sinh		3.252	3.194		
				Số dư cuối kỳ				258	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thủ kho
(đã kí)

Kế toán trưởng
(đã kí)

Giám đốc
(đã kí)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.11 Trích sổ chi tiết nguyên vật liệu, vải cotton trong tháng 10/2010

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng

Địa chỉ : Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng bàng – Hải Phòng.

Mẫu số S10-DN

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 10 năm 2010

Tài khoản: 152

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu: Vải cotton

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số	Ngày tháng				SL	TT	SL	TT	SL	TT
A	B	C	D	1	2	3=1×2	4	5=1×4	6	7=1×6
		Số dư đầu T10		50.100					200	100.200.000
		Số phát sinh:								

PN158	05/10	NK của cty TNHH TM&DV Kim Ngân	331	52.050	500	26.050.000			400	

PN161	08/10	NK của cty TNHH TM&DV Kim Ngân	111	50.000	2.000	100.000.000			2.250	
PX198	09/10	XK phục vụ SX	627				2.000		250	
		
PX215	15/10	XK phục vụ SX	627				350		1.900	

		Cộng phát sinh			3.252	162.892.680	3.194			
		Số dư cuối kỳ							258	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.12 Trích bảng kê xuất nguyên vật liệu trong tháng 10/2010

BẢNG KÊ XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 10 năm 2010

Tài khoản: 152

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu: Vải cotton

Chứng từ		Diễn giải	Xuất	
Số	Ngày tháng		SL	TT
A	B	C	4	5=1×4
		Số phát sinh:		

PX198	09/10	XK phục vụ SX	2.000	

PX215	15/10	XK phục vụ SX	350	

		Cộng phát sinh	3.194	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

VD3:

-Ngày 20/10/2010 mua 20 chiếc máy khâu hiệu Trung Quốc của công ty TNHH Mỹ Hưng theo hóa đơn số 0023581 (biểu 2.13) và tiến hành nhập kho theo số 304(biểu 2.14)

-Ngày 21/10/2010 xuất kho cho phân xưởng may, phiếu xuất số 320 (biểu 2.15)

-Từ phiếu nhập, phiếu xuất kho thủ kho ghi nhận vào thẻ kho đồng thời kế toán ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.(biểu 2.16), bảng kê xuất công cụ dụng cụ (biểu 2.17)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.12 Hóa đơn GTGT số 0023581 mua máy khâu hiệu Trung Quốc

HOÁ ĐƠN		<i>Mẫu số 01 - GTKT - 3LL</i>											
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		BT/2010B											
<i>Liên 2: Giao cho khách hàng</i>		0023581											
Ngày 20 tháng 10 năm 2010													
Đơn vị bán hàng: công ty TNHH Mỹ Hưng													
Địa chỉ: 123 Đình Đông- Hải Phòng													
Điện thoại:													
MST: <table border="1" style="display: inline-table;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>3</td><td>5</td><td>8</td><td>9</td><td>8</td><td>1</td></tr></table>				0	2	0	3	5	8	9	8	1	
0	2	0	3	5	8	9	8	1					
Họ tên người mua hàng: Công ty Cổ phần SX & XNK Hải Phòng													
Đơn vị:													
Địa chỉ: Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng													
Điện thoại:													
MST: <table border="1" style="display: inline-table;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>1</td><td>5</td><td>2</td><td>9</td><td>3</td><td>0</td></tr></table>				0	2	0	0	1	5	2	9	3	0
0	2	0	0	1	5	2	9	3	0				
Hình thức thanh toán: CK													
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền								
A	B	C	1	2	3= 1*2								
1	Máy khâu TQ	Chiếc	20	5.000.000	100.000.000								
2	Máy khâu Nhật	Chiếc	15	8.500.000	127.500.000								
Cộng tiền hàng:					227.500.000								
Tiền thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		22.750.000								
Tổng cộng tiền thanh toán:					250.250.000								
Số tiền bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng.													
Người mua hàng (Kí, họ tên)		Người bán hàng (Kí, họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Kí, họ tên)									

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.13 *Phiếu nhập kho số 304*

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng
Địa chỉ : Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng Bàng –
Hải Phòng

Mẫu số 02 - AT
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ
BTC ngày 20/03/2006 của BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 20 tháng 10 năm 2010

Số : PN304
Nợ TK 153:
Nợ TK 133:
Có TK 112:

Họ tên người giao hàng : **Mai Hoàng Tú**
Theo HĐGTGT ngày: 20/10/2010
Nhập tại kho : **Công ty cổ phần SX & XNK Hải Phòng.**

ST T	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Máy khâu TQ		Chiếc	20	20	5.000.000	100.000.000
2	Máy khâu Nhật		Chiếc	15	15	8.500.000	127.500.000
	Cộng tiền hàng:						227.500.000

Cộng thành tiền (viết bằng chữ) :Hai trăm hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng.

Người lập phiếu
(đã ký)

Người nhận hàng
(đã ký)

Thủ kho
(đã ký)

Kế toán trưởng
(đã ký)

Giám đốc
(đã ký)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.14 Phiếu xuất kho số 320

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng
Địa chỉ : Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng
Bàng – Hải Phòng

Mẫu số 02 - AT
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ
BTC ngày 20/03/2006 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 21 tháng 10 năm 2010

Số : PX320
Nợ TK 242:
Có TK 153:

Họ tên người giao hàng: **Hoàng Thị Nga**

Ngày: 21/10/2010

Lý do xuất: phục vụ phân xưởng may

Xuất tại kho : Công cụ dụng cụ

STT	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Máy khâu TQ		Chiếc	20	20		
	Cộng						

Cộng thành tiền (viết bằng chữ) :

Người lập phiếu
(đã ký)

Người nhận hàng
(đã ký)

Thủ kho
(đã ký)

Kế toán trưởng
(đã ký)

Giám đốc
(đã ký)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.15 Trích thẻ kho máy khâu Trung Quốc tháng 10/2010

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng.
Địa chỉ : Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng bàng
– Hải Phòng.

Mẫu số S12 – DN
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 20/10/2010

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: **Máy khâu Trung Quốc**

Đơn vị tính : chiếc

Mã số:MKTQ

ST T	Ngày Tháng	Chứng từ		Diễn Giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Xác nhận của KT
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				<u>Số dư đầu kỳ</u> (T10/2010)				<u>5</u>	
	
	
	20/10	PN304		NK của cty Mỹ Hưng	20/10	20		40	
	21/10		PX320	XK phục vụ SX	21/10		20	20	
	
				Cộng phát sinh		50	20		
				<u>Số dư cuối kỳ</u>				<u>35</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thủ kho
(đã kí)

Kế toán trưởng
(đã kí)

Giám đốc
(đã kí)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.16 Trích sổ chi tiết công cụ dụng cụ máy khâu Trung Quốc trong tháng 10/2010

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng

Địa chỉ : Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng bàng – Hải Phòng.

Mẫu số S10-DN

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ CHI TIẾT CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Tháng 10 năm 2010

Tài khoản: 153

Tên, quy cách công cụ dụng cụ: Máy khâu Trung Quốc

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số	Ngày tháng				SL	TT	SL	TT	SL	TT
A	B	C	D	1	2	3=1×2	4	5=1×4	6	7=1×6
		Số dư đầu T10		5.010.000					<u>5</u>	<u>25.050.000</u>
		Số phát sinh:								
.....
PN304	20/10	NK của cty Mỹ Hưng	112	5.000.000	20	100.000.000			40	
PX320	21/10	XK phục vụ SX	242				20		20	
.....
		Tổng cộng:	×	×	50	250.000.000	20			
		Số dư cuối kỳ							<u>35</u>	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.17 Trích bảng kê xuất công cụ dụng cụ máy khâu Trung Quốc trong tháng 10/2010

BẢNG KÊ XUẤT CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Tháng 10 năm 2010

Tài khoản: 153

Tên, quy cách công cụ dụng cụ: Máy khâu Trung Quốc

Chứng từ		Diễn giải	Xuất	
Số	Ngày tháng		SL	TT
A	B	C	4	5=1×4
		Số phát sinh:		
PX320	21/10	XK phục vụ SX	20	
		Tổng cộng:	20	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.18 Trích bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu trong tháng 10/2010

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng

Địa chỉ : Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng bàng – Hải Phòng.

Mẫu số S11-DN

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC ngày 20/03/2006 của BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tài khoản: 152

Tháng 10/ 2010

ST T	Mã nguyên vật liệu	Tên nguyên vật liệu	Số tiền			
			Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	C5000	Chỉ cuộn 5000m	8.018.100	23.512.800		
2	C7000	Chỉ cuộn 7000m	713.415	175.125.000		
3	PHAN	Phấn may	-	190.000		
4	CHUN	Chun	84.718.258	63.653.583		
5	ĐEMVAI	Đệm vai	32.658.489	47.952.688		
6	BONG	Bông hạt	11.573.453	-		
7	TUI	Túi	9.781.990	-		
8	VAI	Vải chính	100.200.000	162.892.680		
9		Vải lót	25.462.000	32.500.000		

Cộng						

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.19 Trích bảng tổng hợp chi tiết công cụ dụng cụ trong tháng 10/2010

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng

Địa chỉ : Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng bàng – Hải Phòng.

Mẫu số S11-DN

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC ngày
20/03/2006 của BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Tài khoản: 153

Tháng 10/ 2010

ST T	Mã công cụ dụng cụ	Tên công cụ dụng cụ	Số tiền			
			Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	BANGHE	Bàn+ ghế	2.233.333			
2	MAYIN	Máy in Canon	2.638.628			
3	MVT	Máy vi tính		10.000.000		
4	BANLA	Bàn là hơi	15.564.245			
5	MVSO	Máy vắt sô	23.267.472			
6	MDKHUY	Máy đập khuy	12.725.689			
7	USB	USB		1.500.000		
8	KIM	Kim	200.000	600.000		
9	KEO	Kéo	2.457.349	548.689		
10	MK	M khâu TQ	25.050.000	250.000.000		
11		M khâu Nhật	30.478.000	96.000.000		

Cộng						

2.2.3. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Cổ phần Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hải Phòng.

Do đặc điểm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty rất đa dạng và phong phú, công ty đã sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

2.2.3.1. Chứng từ sử dụng:

Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, biên bản bàn giao vật tư và các chứng từ khác có liên quan.

2.2.3.2. Tài khoản sử dụng:

TK 152: “Nguyên liệu, vật liệu”

TK 153: “ Công cụ, dụng cụ”

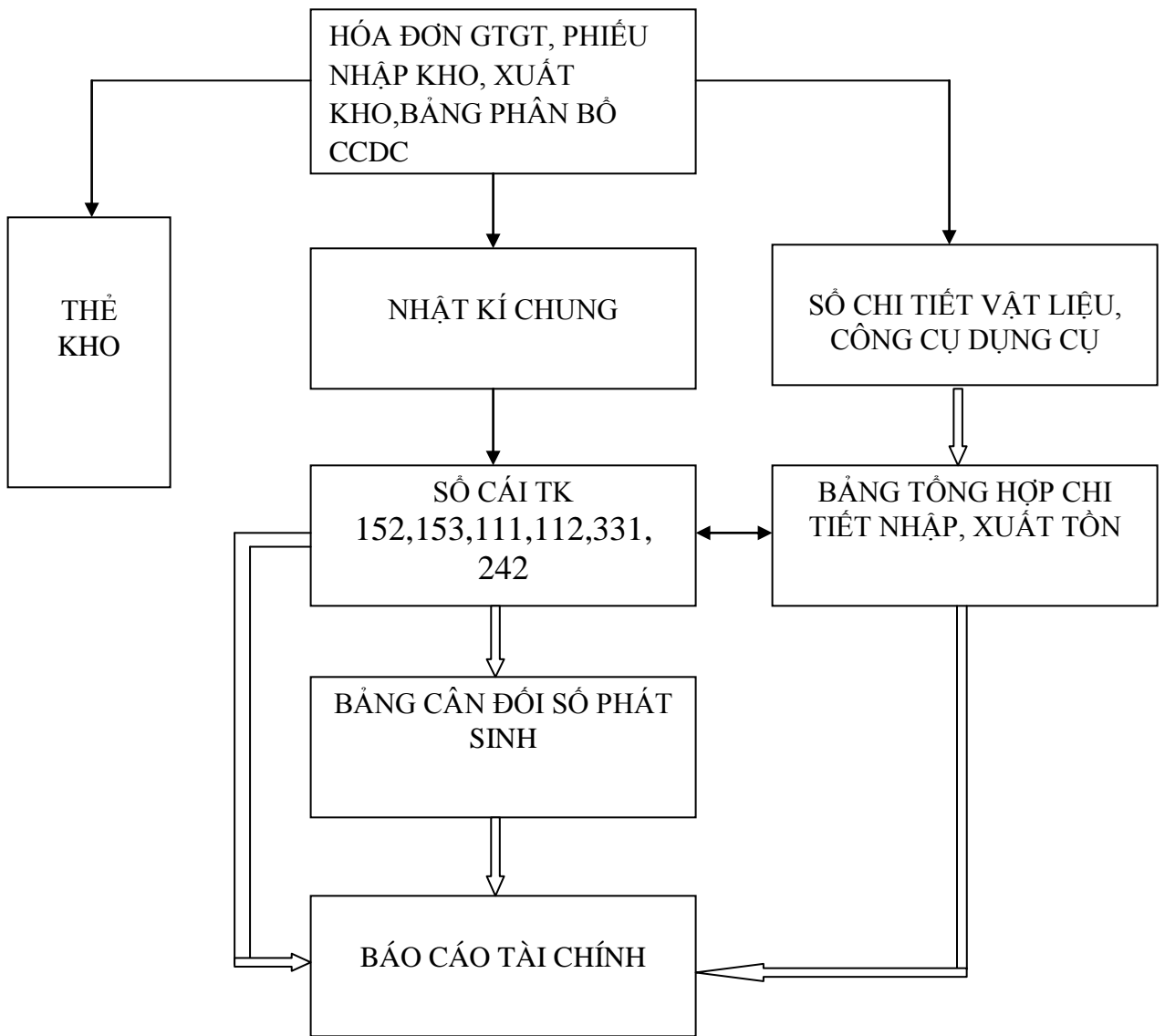
Ngoài ra công ty còn sử dụng các tài khoản hạch toán sau: TK154, TK621, TK622, TK627, TK242, TK642, TK111, TK112, TK331.

2.2.3.3. Quy trình hạch toán:

Quy trình hạch toán tổng hợp NVL, CCDC tại công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 2.5 Quy trình hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải phòng



Ghi chú:

Ghi hằng ngày: \longrightarrow

Quan hệ đối chiếu: \longleftrightarrow

Ghi định kì hoặc hàng tháng: \longrightarrow

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Từ phiếu nhập, phiếu xuất thủ kho vào thẻ kho, kế toán vật tư vào Sổ chi tiết vật liệu đồng thời vào sổ Nhật kí chung và Sổ cái TK 152,153 và các tài khoản khác có liên quan. Cuối tháng lập Bảng Nhập xuất tồn để đối chiếu với Sổ cái 152,153 có liên quan. Cuối niên độ lập Bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

Trường hợp 1: Mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ chưa thanh toán cho người bán

Từ VDI (trong phần kế toán hạch toán chi tiết NVL, CCDC):

- Ngày 7/10/2010 mua 100 cuộn chỉ 5000m và 500 cuộn 7000m của công ty cổ phần xuất nhập khẩu Tiến Vinh theo hóa đơn số 0038491(biểu2.1)
- Kế toán tiến hành nhập kho theo phiếu nhập số 152(biểu2.2)
- Ngày 7/10/2010 xuất kho 100 cuộn chỉ 5000m phục vụ sản xuất theo phiếu xuất số 184(biểu2.3)
- Từ phiếu nhập số 152, phiếu xuất số 184 kế toán ghi vào Sổ nhật kí chung, từ Nhật kí chung (biểu 2.23) vào Sổ cái TK152, 133, 331, 621 (biểu 2.24, biểu 2.25, biểu 2.26, biểu 2.27)

Ngoài ra kế toán còn ghi vào sổ chi tiết cho người bán 331 (biểu 2.20), sổ chi tiết vật liệu dụng cụ. Cuối tháng lập bảng tổng hợp chi tiết TK331 (biểu 2.21), lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn.

→Cuối tháng 10 kế toán tiến hành tính trị giá xuất kho của chỉ 5000m đã xuất trong kì theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ :

$$\text{ĐG bình quân gia quyền cả kì dự trữ} = \frac{15.100 \times 531 + \dots + 15.100 \times 200 + \dots + 15.100 \times 100 + \dots}{531 + \dots + 200 + \dots + 100 + \dots} = 15.200 \text{đ/c}$$

↳ Trị giá xuất kho NVL ngày 07/10/2010 là: $15.200 \times 100 = 1.520.000 \text{đ}$

Căn cứ vào bảng kê xuất nguyên vật liệu cuối tháng 10 kế toán tiến hành ghi sổ Nhật kí chung, sổ cái TK 152 nghiệp vụ xuất kho nguyên vật liệu trong tháng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.20 Trích sổ chi tiết thanh toán với người bán tháng 10/2010

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng

Mẫu số S31- DN

Địa chỉ : Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Năm 2010

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Đối tượng: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tiến Vinh

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 10					
			Phát sinh trong tháng					
.....
20/12	PN304	20/12	Mua chỉ 5000m, 7000m	152		51.500.000		52.500.000
				113		5.150.000		57.650.000
.....
			Cộng phát sinh		105.468.698	176.254.589		
			Số dư cuối tháng 10					<u>70.785.891</u>

Ngày tháng năm 2010

Người ghi sổ
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, họ tên)

Giám đốc
(Kí, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.21 Trích bảng tổng hợp thanh toán với người bán tháng 10/2010

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Năm 2010

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Số hiệu: 331

Đơn vị tính: VNĐ

Số hiệu	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	Tháng 10/2010						
1	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Tiến Vinh			105.468.698	176.254.589		70.785.891
2	Công ty TNHH TM&DV Kim Ngân		45.000.000	162.000.000	202.000.000		85.000.000
3	Công ty TNHH Mỹ Hưng		20.000.000	352.980.000	402.500.000		69.520.000
4	Công ty AN AN	10.000.000		45.000.000	135.000.000		80.000.000
5							
6						
	Tổng cộng	78.360.252	102.122.489	1.358.479.451	1.458.357.166		123.639.952

Ngày tháng năm 2010

Người ghi sổ
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, họ tên)

Giám đốc
(Kí, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trường hợp 2: Mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thanh toán bằng tiền mặt

Từ VD2 (trong phần kế toán hạch toán chi tiết NVL, CCDC)

-Ngày 8/10/2010 căn cứ HDGTGT số 0061325 (biểu 2.7) thủ kho và kế toán vật tư tiến hành kiểm tra số lượng và tiến hành viết phiếu nhập kho số 161 (biểu 2.8)

-Ngày 9/10/2010 xuất kho phục vụ sản xuất theo phiếu xuất số 198 (biểu 2.9)

-Đồng thời viết phiếu chi 305 (biểu 2.22)

-Từ phiếu nhập161, phiếu xuất198, phiếu chi 305 kế toán ghi vào Sổ nhật kí chung, từ Nhật kí chung (biểu 2.25) vào Sổ cái TK152, 133, 621,111 (biểu 2.26, biểu 2.27, biểu 2.29, biểu 2.33)

Ngoài ra kế toán vật tư còn vào Sổ chi tiết vật liệu, cuối tháng lập Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu.

→Cuối tháng 10 kế toán tiến hành tính trị giá xuất kho của vải cotton đã xuất trong kì theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ :

$$\begin{array}{l} \text{ĐG bình} \\ \text{quân gia} \\ \text{quyền cả kì} \\ \text{dự trữ} \end{array} = \frac{50.100 \times 200 + \dots + 52.050 \times 500 + \dots + 50.000 \times 2000 + \dots}{200 + \dots + 500 + \dots + 2000 + \dots} = 51.030 \text{đ/m}$$

↳ Trị giá xuất kho NVL ngày 09/12/2010 là: $51.030 \times 2000 = 102.060.000 \text{đ}$

Căn cứ vào bảng kê xuất nguyên vật liệu cuối tháng 10 kế toán tiến hành ghi sổ Nhật kí chung, sổ cái TK 152 nghiệp vụ xuất kho nguyên vật liệu trong tháng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.22 Phiếu chi số 305

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng

Địa chỉ : Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng
Bàng – Hải Phòng

Mẫu số 02 - TT

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 08 tháng 10 năm 2010

Số:PC 305

Nợ TK152:

Nợ TK 133

Có TK 111

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Nga

Địa chỉ: Phòng Vật tư

Lý do chi: chi mua nguyên liệu

Số tiền: 127.600.000 (Viết bằng chữ): Một trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng.

Kèm theo: 2CT

Chứng từ gốc: HĐ GTGT số 0061325, PN161

Ngày 08 tháng 10 năm 2010

Giám đốc

(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng

(Kí, họ tên)

Thủ quỹ

(Kí, họ tên)

Người lập phiếu

(Kí, họ tên)

Người nhận tiền

(Kí, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ): Một trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ(vàng, bạc, đá quý)

+ Số tiền quy đổi

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trường hợp 3: Mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng:

Từ VD3 (trong phần kế toán hạch toán chi tiết NVL, CCDC)

-Ngày 20/10/2010 mua 20 chiếc máy khâu hiệu Trung Quốc của công ty TNHH Mỹ Hưng theo hóa đơn số 0023581 (biểu 2.12) và tiến hành nhập kho theo số 304(biểu 2.13)

-Ngày 21/10/2010 xuất kho cho phân xưởng may, phiếu xuất số 320 (biểu 2.14)

-Đồng thời viết Ủy nhiệm chi (biểu 2.24)

-Từ phiếu nhập304, phiếu xuất kho 320, Ủy nhiệm chi kế toán ghi vào Sổ nhật kí chung, từ Nhật kí chung (biểu 2.23) vào Sổ cái TK153, 133,242, 627, 112 (biểu 2.30, biểu 2.227, biểu 2.31, biểu 2.32, biểu 2.34)

Ngoài ra kế toán vật tư còn vào Sổ chi tiết vật liệu, cuối tháng lập Bảng tổng hợp nhập xuất tồn, lập Bảng phân bổ công cụ dụng cụ (biểu 2.23)

→Cuối tháng 10 kế toán tiến hành tính trị giá xuất kho của máy khâu Trung quốc đã xuất trong kì theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ :

$$\begin{array}{l} \text{ĐG bình} \\ \text{quân gia} \\ \text{quyền cả kì} \\ \text{dự trữ} \end{array} = \frac{5.100.000 \times 5 + \dots + 5.000.000 \times 20 + \dots}{5 + \dots + 20 + \dots} = 5.050.000 \text{đ/c}$$

↳ Trị giá xuất kho NVL ngày 21/12/2010 là: $5.050.000 \times 20 = 101.000.000 \text{đ}$

Cuối tháng kế toán tiến hành lập bảng phân bổ công cụ dụng cụ của máy khâu Trung quốc. Kế toán định khoản:

a) Nợ TK 242 : 101.000.000

Có TK 153: 101.000.000

b) Nợ TK 627: 1.683.333

Có TK 242: 1.683.333

Căn cứ vào bảng kê xuất nguyên vật liệu cuối tháng 10 kế toán tiến hành ghi sổ Nhật kí chung, sổ cái TK 153 nghiệp vụ xuất kho nguyên vật liệu trong tháng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.23 Trích bảng phân bổ công cụ dụng cụ

BẢNG PHÂN BỐ CÔNG CỤ DỤNG CỤ

NĂM 2010

Số HĐ	NTGS	Diễn giải	Tên CCDC	PS trong tháng	SL	Số tháng	Số tiền trích/thán g	T 1	T11	T12	Tổng	Giá trị còn lại
A	B	C	D	1	2	3	$4=(1*2)/3$	5	6	7	8	9	$10=(1*2)-9$
.....
HĐ00 23581	20/10/2010	công ty TNHH Mỹ Hung	Máy khâu TQ	5.050.000	20	60	1.683.333			1.683.333	1.683.333	3.366.666	97.633.334
.....
Cộng													

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.24 Ủy nhiệm chi

ỦY NHIỆM CHI		Số/ Ser No:.....	
Payment order		Ngày/ Date: 20/10/2010	
Số tiền bằng số 250.250.000			
Số tiền bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng.			
Nội dung/Remarks : Trả tiền mua máy khâu			
Đơn vị/Người yêu cầu: Công ty Cổ phần Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hải Phòng		Đơn vị/Người yêu cầu: Công ty TNHH Mỹ Hưng	
Số CMT:		Số CMT:	
Ngày cấp:	Nơi cấp:	Ngày cấp:	Nơi cấp:
Số TK: 711A223458966		Số TK: 711A556814775	
Tại ngân hàng: VIETINBANK		Tại ngân hàng:VIETINBANK	
Kế toán trưởng Chủ tài khoản Ngân hàng gửi Ngân hàng nhận			
Giao dịch viên Kiểm soát Giao dịch viên Kiểm soát			

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.25 Trích Nhật kí chung tháng 10/2010

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ : Km 10 đường 5 cũ Quán Toan –

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC ngày 20/03/2006

Hồng Bàng – Hải Phòng

của BTC)

Năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số NKC		SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	Số TT D		Nợ	Có
			Cộng trang trước chuyển sang					
			PS trong T10/2010					
.....
07/10	PN152	07/10	Nkho chỉ 5000m, 7000m			152	51.500.000	
						133	5.150.000	
						331		56.650.000
08/10	PN161	08/10	NK vải cotton, vải trần của cty TNHH TM&DV Kim Ngân			152	116.000.000	
						133	11.600.000	
						111		127.600.000
.....
20/10	PN304	20/10	NK máy khâu của cty Mỹ Hưng			153	227.500.000	
						133	22.750.000	
						112		250.250.000
31/10	BKXT10	31/10	Bảng kê xuất NVL			621	302.145.145	
						152		302.145.145
31/10	BKXT10	31/10	Bảng kê xuất CCDC			242	400.321.412	
						153		400.321.412
31/10	BPB	31/10	Phân bổ CCDC			627	97.458.365	
						642	31.295.521	
						242		128.753.886
.....
			Cộng phát sinh				1.845.956.248	1.845.956.248

Biểu 2.26 Trích Sổ cái TK 152 tháng 10/2010

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

SỔ CÁI

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng

Địa chỉ : Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng Bàng –
Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

Năm 2010

Tên tài khoản: Nguyên liệu, vật liệu

Số hiệu: 152

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số NKC		SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Tra ng số	Số TT D		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 10				262.845.478	
			Phát sinh trong tháng					
.....
04/10	PN148	04/10	Nhập kho chỉ 5000m			331	3.020.000	
.....
07/10	PN152	07/10	Nkho chỉ 1000m,7000m			331	51.500.000	
08/10	PN161	08/10	NK vải của cty TNHH TM&DV Kim Ngân			111	116.000.000	
.....
31/10	BKXT10	31/10	Bảng kê xuất NVL			621		302.145.145
			Cộng phát sinh				465.315.256	532.149.657
			Số dư cuối tháng 10				196.011.077	

Ngày tháng năm 2010

Người ghi sổ
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, họ tên)

Giám đốc
(Kí, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.27 Trích Sổ cái TK 133 tháng 10/2010

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ : Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng Bàng –
Hải Phòng

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Thuế GTGT được khấu trừ

Số hiệu: 133

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số NKC		SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Tran g số	Số TT D		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 10				57.647.886	
			Phát sinh trong tháng					
.....
04/10	PN148	04/10	Nhập kho chỉ 5000m			331	302.000	
.....
07/10	PN152	07/10	Nhập kho chỉ 5000m			331	5.150.000	
08/10	PN161	08/10	NK của cty TNHH TM&DV Kim Ngân			111	10.000.000	
.....
17/10	PN235	17/10	Mua vật tư của công ty An An			111	2.550.000	
.....
20/10	PN304	20/10	NK của cty Mỹ Hưng			112	22.750.000	
.....
			Cộng phát sinh				206.187.273	263.835.159
			Số dư cuối tháng 10				-	

Ngày tháng năm 2010

Người ghi sổ
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, họ tên)

Giám đốc
(Kí, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.28 Trích Sổ cái TK 331 tháng 10/2010

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ : Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng Bàng –
Hải Phòng

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Số hiệu: 331

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Sổ NKC		SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Tra ng số	Số TT D		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 10					650.890.245
			Phát sinh trong tháng					
.....
07/10	PN152	07/10	Nkho chỉ 5000m, 7000m của cty Tiến Vinh			152		51.500.000
						133		5.150.000
08/10	UNC	08/10	Vay trả tiền hàng			311	30.000.000	
.....
1 5/10	UNC	15/10	Vay trả tiền mua vật tư			311	230.000.000	
.....
20/10	PN335	20/10	Mua chịu vật tư			152		260.000.000
						133		26.000.000
.....
			Cộng phát sinh				556.385.000	450.235.000
			Số dư cuối tháng 10					544.740.245

Ngày tháng năm 2010

Người ghi sổ
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, họ tên)

Giám đốc
(Kí, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.29 Trích Sổ cái TK 621 tháng 10/2010

SỔ CÁI

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ : Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng Bàng –
Hải Phòng

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu: 621

Đơn vị tính: VND

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số NKC		SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT		Tr Sổ	Số TT D		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 10					
			Phát sinh trong tháng					
.....
.....
31/10	BKXT10	31/10	Bảng kê xuất NVL			152	305.145.145	
			Cộng phát sinh				402.145.145	402.145.145
			Số dư cuối tháng 10					

Ngày tháng năm 2010

Người ghi sổ
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, họ tên)

Giám đốc
(Kí, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.30 Trích Sổ cái TK 153 tháng 10/2010

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ : Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng Bàng –
Hải Phòng

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Công cụ dụng cụ

Số hiệu: 153

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SỔ NKC		SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT		Tr Số	Số TT D		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 10				<u>66.651.530</u>	
			Phát sinh trong tháng					
.....
10/10	PN225	10/10	Mua USB của cty Hoàng Cường			111	2.100.000	
.....
19/10	PN303	19/10	Mua 6 bàn là hơi			331	30.000.000	
20/10	PN304	20/10	NK MK của cty Mỹ Hưng			112	227.500.000	
.....
31/10	BKXT10	31/10	Bảng kê xuất CCDC			242		400.321.412
			Cộng phát sinh				397.245.936	400.321.412
			Số dư cuối tháng 10				<u>63.576.054</u>	

Ngày tháng năm 2010

Người ghi sổ
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, họ tên)

Giám đốc
(Kí, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.31 Trích Sổ cái TK 242 tháng 10/2010

SỔ CÁI

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ : Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng Bàng –
Hải Phòng

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí trả trước dài hạn

Số hiệu: 242

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số NKC		SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT		Tr Số	Số TT D		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 10				<u>4.856.798</u>	
			Phát sinh trong tháng					
.....
31/10	BKXT10	31/10	Bảng kê xuất CCDC			153	400.321.412	
31/10	BPB	31/10	Phân bổ CCDC			627		97.458.365
						642		31.295.521
			PS trong tháng				400.321.412	128.753.886
			Số dư cuối tháng10				<u>276.424.315</u>	

Ngày tháng năm 2010

Người ghi sổ
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, họ tên)

Giám đốc
(Kí, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.32 Trích Sổ cái TK 627 tháng 12/201

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ : Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng Bàng –
Hải Phòng

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Số hiệu: 627

Đơn vị tính: VND

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SỔ NKC		SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT		Tr Sổ	Số TT D		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 10					
			Phát sinh trong tháng					
.....
05/10	PC 352	05/10	Trả tiền điện			111	5.253.146	
06/10	PC353	06/10	Trả tiền nước, VS			111	505.478	
.....
15/10	PC385	15/10	Mua hóa đơn xuất thăng cho sx			111	200.000	
.....
31/10	BPB	31/10	Phân bổ CCDC			242		97.458.365
			Cộng phát sinh				197.267.324	197.267.324
			Số dư cuối tháng 10					

Ngày tháng năm 2010

Người ghi sổ
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, họ tên)

Giám đốc
(Kí, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.33 Trích Sổ cái TK 111 tháng 10/2010

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ : Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng Bàng –
Hải Phòng

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Tiền mặt

Số hiệu: 111

Đơn vị tính: VND

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SỔ NKC		SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT		Tr Số	Số TT D		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 10				<u>462.585.000</u>	
			Phát sinh trong tháng					
.....
08/10	PN16 1	08/10	NK của cty TNHH TM&DV Kim Ngân			152		116.000.000
						133		11.600.000
09/10	PT369	09/10	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ			112	200.000.000	
.....
15/10	PC355	15/10	Chi tạm ứng đi công tác			141		1.000.000
.....
20/10	PC362	20/10	Chi tạm ứng lương T12			334		125.000.000
21/10	PT399	21/10	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ			112	50.000.000	
22/10	PC364	22/10	Chi sửa máy tính			642		500.000
						133		50.000
.....
			Cộng phát sinh				305.456.987	489.235.734
			Số dư cuối tháng 10				<u>278.806.253</u>	

Ngày tháng năm 2010

Người ghi sổ
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, họ tên)

Giám đốc
(Kí, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.34 Trích Sổ cái TK 112 tháng 10/2010

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ : Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng Bàng –
Hải Phòng

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: 112

Đơn vị tính: VND

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SỔ NKC		SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT		Tr Số	Số TT D		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 10				<u>740.140.367</u>	
			Phát sinh trong tháng					
.....
09/10	PT369	09/10	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ			111		200.000.000
10/10	PBL	10/10	Trả phí bảo lãnh			642		500.000
						133		50.000
.....
20/10	PN304	20/10	NK của cty Mỹ Hưng			152		227.500.000
						133		22.750.000
21/10	PT399	21/10	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ			111		50.000.000
.....
31/10	GBN	31/10	Cty Hải An trả tiền nợ T11			311	250.000.000	
			Cộng phát sinh				550.456.444	510.247.893
			Số dư cuối tháng 10				<u>780.348.918</u>	

Ngày tháng năm 2010

Người ghi sổ
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, họ tên)

Giám đốc
(Kí, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.2.4. Công tác kiểm kê kho ở Công ty Cổ phần Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hải Phòng

Cũng như các doanh nghiệp khác, theo quy định của Nhà Nước mỗi năm công ty Cổ Phần Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hải Phòng tiến hành kiểm kê hàng tồn kho, và các tài sản khác một lần vào cuối mỗi năm.

Mục đích của việc kiểm kê vật liệu, công cụ dụng cụ là để xác định lại số lượng, giá trị và chất lượng vật tư tồn kho, phát triển chênh lệch giữa sổ sách với thực tế nhằm bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý vật tư ở công ty.

Trước mỗi lần kiểm kê khi vật tư được sự thông báo của hội đồng kiểm kê công ty, thủ kho phải hoàn tất thẻ kho để tạo điều kiện cho kiểm kê. Đồng thời ở phòng kế toán các sổ kế toán về vật tư đều được khóa sổ sau khi kế toán tính ra giá trị hàng tồn kho của vật tư.

Thông qua việc cân, đo, đong, đếm... Hội đồng kiểm kê thể hiện kết quả kiểm kê trên Biên bản kiểm kê vật tư. Căn cứ vào biên bản kiểm kê này giám đốc công ty cùng với hội đồng kiểm kê sẽ có những quyết định xử lý thích hợp như: thanh lý, nhượng bán quyết định đòi bồi thường nếu cá nhân làm mất hoặc gây hỏng.....Căn cứ vào các biên bản xử lý kết quả kiểm kê kế toán tiến hành ghi sổ.

Nhìn chung công tác kiểm kê kho ở công ty trong những năm trở lại đây không có trường hợp mất mát chỉ có vài trường hợp thiếu, bị hư hỏng do nguyên nhân khách quan như nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ chủ yếu là: phấn may, cúc bấm, khóa, kim..... dễ bị oxy hóa, dễ gãy trong quá trình bảo quản nhưng số lượng không đáng kể.

VD: Theo kết quả kiểm kê nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ ngày 31/12/2010, Hội đồng kiểm kê lập Biên bản kiểm kê vật tư (biểu 2.35)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.35 Trích biên bản kiểm kê vật tư năm 2010

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ

Năm 2010

Thời điểm kiểm kê : 10h ngày 31 tháng 10 năm 2010

Ban kiểm kê gồm:

- | | | |
|----------------------------|--------------------------|--------------------|
| - Ông : Đặng Minh Châu | Chức vụ: Giám đốc | Trưởng ban kiểm kê |
| - Ông : Nguyễn Minh Thuận | Chức vụ: Cán bộ kĩ thuật | Uy viên |
| - Bà : Trần Thị Mộng Huyền | Chức vụ: Kế toán vật tư | Ủy viên |

Đã kiểm kho có những mặt hàng sau:

ST T	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	ĐVT	Đơn giá	Số sách		Thực tế		Chênh lệch				Phẩm chất		
				SL	T.Tiền	SL	T.Tiền	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
								SL	T.Tiền	SL	T.Tiền			
1	Phấn may	Hộp	35.000	100	3.500.000	100	3.500.000	-	-	-	-	X		
2	Kim	Vỉ	20.000	25	500.000	25	500.000	-	-	-	-	X		
3	Cúc	Túi	100.00 0	10	1.000.000	10	1.000.000	-	-	-	-	X		
4	Khóa	Chiếc	2.000	200	400.000	200	400.000	-	-	-	-	X		
5	Kéo	Chiếc	55.000	-	-	-	-	-	-	-	-	X		
													

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ kho

Trưởng ban kiểm kê

Kết luận của ban kiểm kê: Đa số các loại vật tư còn tốt 100% và số lượng không chênh lệch với sổ sách

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HẢI PHÒNG

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty Cổ phần Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hải Phòng

Công ty Cổ phần Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hải Phòng là doanh nghiệp đã thành lập khá lâu. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu là may mặc, gia công quần áo cho thị trường trong nước và nước ngoài. Hiện nay ngành may mặc đang là ngành quan trọng đáp ứng nhu cầu của đất nước để phát triển kinh tế xã hội.

Trong những năm gần đây ngành may mặc ở nước ta đã phản ánh rõ nét sự cạnh tranh ngày càng trở nên gay gắt cả về phạm vi, giá cả và phương thức dịch vụ. Là một doanh nghiệp đã được thành lập từ lâu nên khi thị trường có nhiều biến động nhưng doanh nghiệp vẫn khẳng định được chỗ đứng của mình trong lĩnh vực ngành may mặc.

Để có được điều này là do sự định hướng, chỉ đạo đúng đắn của ban giám đốc, công ty đã có một đội ngũ công nhân lành nghề đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty nói riêng và của ngành may mặc nói chung. Doanh thu hàng năm tăng đáng kể, lương công nhân viên cũng tăng đáp ứng nhu cầu đời sống của công nhân viên.

Trải qua nhiều năm hình thành và phát triển, công ty không ngừng trưởng thành và lớn mạnh, cơ sở vật chất kỹ thuật luôn được nâng cao, cũng như trình độ quản lý đang được từng bước cải thiện. Trong nền kinh tế thị trường như hiện nay công ty đã từng bước khẳng định tính độc lập, tự chủ trong kinh doanh, biết khai thác phát huy, sử dụng có hiệu quả nội lực tiềm năng sẵn có của mình. Vì vậy, công ty đã có một vị trí nhất định trong ngành may mặc trên cả nước như hiện nay. Từng bước tiến rõ rệt được thể hiện qua các mặt sau:

- Sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
- Đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên ngày càng cao.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Không ngừng tăng cường đầu tư vốn vào việc xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ sản xuất ngày càng một hoàn thiện hơn (như: máy móc, thiết bị, tài sản cố định, các loại máy khâu, bàn là hơi.....)
- Hoàn chỉnh từng bước cho việc tổ chức sắp xếp lực lượng sản xuất với những mô hình thật sự có hiệu quả qua từng giai đoạn,
- Lựa chọn đội ngũ công nhân, cán bộ quản lý có đủ năng lực và trình độ để đáp ứng được mọi yêu cầu của việc sản xuất kinh doanh trong tình hình hiện tại.
- Thông qua việc áp dụng cơ chế hưởng lương theo sản phẩm, khoán công việc cho từng phân xưởng, từng bộ phận nhằm tạo điều kiện cho các bộ phận, các phân xưởng phát huy cao trình độ tay nghề, gắn trách nhiệm vật chất của tập thể, cá nhân với chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí sản xuất nâng cao quyền làm chủ của người lao động.
- Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, công ty đã tạo được uy tín và mối quan hệ tốt đẹp với các đối tác và bạn hàng.

Để đứng vững và phát triển trong nền kinh tế thị trường có sự cạnh tranh như hiện nay đòi hỏi nhà quản lý phải quán triệt chất lượng toàn bộ công tác quản lý. Công ty đã tổ chức một cách tối đa các yếu tố chi phí đầu vào, đặc biệt là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Đây là yếu tố chi phí lớn nhất trong giá thành sản phẩm may mặc.

3.1.1. Ưu điểm

****Về bộ máy kế toán***

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ với những nhân viên có năng lực, nhiệt tình trong công việc, được bố trí phù hợp với những khả năng của mỗi người đã góp phần đắc lực vào công tác hạch toán kế toán, quản lý kinh tế tài chính của công ty.

Trong nội bộ của phòng kế toán luôn quán triệt chế độ trách nhiệm mỗi phần việc đều có người phụ trách. Trưởng phòng kế toán phụ trách chung công việc. Mỗi nhân viên đều phải hiểu rõ chức năng của mình, luôn học hỏi để nâng cao trình độ và nghiệp

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

vụ. Đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ làm cho bộ máy kế toán hoàn thành tốt nhiệm vụ với hiệu suất chất lượng cao.

Công ty đã áp dụng vi tính vào công tác kế toán để tiết kiệm chi phí, giảm bớt khối lượng công việc và thời gian cho nhân viên kế toán, giúp cho nhân viên kế toán hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

**Về công tác quản lí, thu mua nguyên vật liệu*

Về công tác thu mua bảo quản dự trữ vật tư: Công ty luôn chú trọng đến vấn đề chất lượng, số lượng vật tư sao cho phù hợp với yêu cầu thực tế để đáp ứng đủ kịp thời cho sản xuất tránh ứ đọng vốn. Kết hợp với việc quản lí vật tư chặt chẽ theo lô, lượt tránh trường hợp đáng tiếc về mất mát hư hỏng.

Định mức vật tư được xây dựng có khoa học và áp dụng khá nghiêm ngặt. Về vấn đề thanh toán với nhà cung cấp vật tư đề được nhân viên kế toán theo dõi sát xao trên hệ thống sổ chi tiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đối chiếu, thanh toán công nợ theo hợp đồng kinh tế.

Đạt được những thành tựu trên là nhờ vào sự định hướng và sự chỉ đạo đúng đắn của tập thể ban lãnh đạo công ty kết hợp với sự phấn đấu bền bỉ của toàn thể cán bộ, công nhân kĩ sư trong toàn công ty. Trong đó có sự đóng góp không nhỏ của những người làm công tác tài chính kế toán ở công ty và các đơn vị trực thuộc.

**Về tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán*

Công ty áp dụng hình thức Nhật kí chung để ghi sổ sách kế toán. Hình thức này có nhiều ưu điểm: ghi chép đơn giản, rõ ràng, kết hợp các tài khoản tổng hợp và chi tiết trên cùng một sổ sách kế toán, tạo điều kiện thuận lợi trong việc lập báo cáo tài chính. Do đó hình thức này phù hợp với quy mô, đặc điểm và loại hình sản xuất kinh doanh của công ty.

Sổ cái và Nhật kí chung được công ty áp dụng và ghi chép đầy đủ, cẩn thận rõ ràng. Các tài khoản cấp I, cấp II được công ty sử dụng phù hợp khi hạch toán.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty sử dụng hệ thống chứng từ theo đúng mẫu quy định của chế độ kế toán đã ban hành. Công ty vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

**Về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ*

Tổ chức hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp này có nhiều ưu điểm vì hàng tồn kho, đặc biệt là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ luôn được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, liên tục, kịp thời, phù hợp với đặc điểm, lĩnh vực sản xuất kinh doanh của một công ty may mặc. Phương pháp hạch toán này đã giúp công ty quản lí, theo dõi và kiểm tra nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ chính xác, kịp thời hơn. Đây là một lựa chọn sáng suốt của công ty trong phương pháp hạch toán.

Để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ công ty áp dụng phương pháp thẻ song song. Với phương pháp này giúp cho phòng kế toán có thể theo dõi chặt chẽ từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đồng thời việc kiểm tra, đối chiếu các chứng từ cũng đơn giản. Các thẻ kho, sổ chi tiết và các loại sổ sách chi tiết khác có liên quan của phương pháp này được công ty mở và ghi chép đúng mẫu, kịp thời và đầy đủ.

3.1.2.Hạn chế

Bên cạnh những mặt tích cực đã đạt được trong công tác hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, công ty còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục để đi đến hoàn thiện. Công ty Cổ phần Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hải Phòng là doanh nghiệp chuyên về lĩnh vực may mặc do đó vật liệu, công cụ dụng cụ phong phú về chủng loại, để có thể quản lí tốt nguồn nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ này công ty nên xây dựng sổ danh điểm nguyên vật liệu, công cụ.

- Việc hạch toán nguyên vật liệu đôi khi còn mang tính thủ tục, rườm rà như việc mua nguyên vật liệu về xuất thẳng xuống bộ phận sản xuất, kế toán không hạch toán thẳng vào chi phí nguyên vật liệu mà tiến hành làm thủ tục nhập kho sau đó mới làm thủ tục xuất kho do đó phải mất nhiều công sức và thời gian cho công việc này.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Về phương hướng hoạt động, mặc dù công ty chỉ đề ra phương hướng hoạt động cho một năm (do yêu cầu của cơ quan quản lý) song công ty nên nghiên cứu kỹ tình hình biến động của thị trường đặc biệt là giá cả vật tư để phù hợp với giá thành sản phẩm. Vì vậy công ty nên tìm đến các bạn hàng cung cấp lâu dài, giá cả hàng hóa ổn định để đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh không bị ngưng trệ.

- Việc xác định mức tiêu hao nguyên vật liệu tại công ty vẫn còn chung chung, chưa cụ thể chi tiết cho từng loại nguyên vật liệu nên chưa phản ánh chính xác mức độ tiêu hao của từng loại nguyên vật liệu. Do đó kế hoạch cung cấp và sử dụng nguyên vật liệu vẫn còn gặp nhiều khó khăn, chưa thực sự hoàn thiện.

- Về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: hiện nay công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trong kho đó công ty phải luôn dự trữ nguyên vật liệu trong kho để phục vụ cho quá trình sản xuất.

- Công cụ dụng cụ nhập chủ yếu để phục vụ cho quản lý và sản xuất tại phân xưởng. Công ty có lập sổ theo dõi công cụ dụng cụ và tính phân bổ công cụ dụng cụ theo tháng. Song việc theo dõi vào cùng một sổ sẽ không tách biệt được công cụ dụng cụ nào dùng cho sản xuất, công cụ nào dùng cho quản lý.

- Mặc dù công ty đã trang bị hệ thống máy vi tính cho phòng kế toán song máy vi tính chỉ giúp cho phần tính toán đơn thuần còn việc hạch toán kế toán chủ yếu vẫn thực hiện theo cách thủ công nên khối lượng công việc mà kế toán phải làm là rất vất vả, điều này sẽ làm ảnh hưởng đến tiến độ công việc. Trong thời gian tới công ty nên áp dụng phần mềm kế toán máy vào công tác kế toán để giảm bớt được khối lượng công việc cho kế toán.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hải Phòng.

Sau một thời gian thực tập tại Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hải Phòng, tìm hiểu sâu về phần hành kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ em xin đưa ra

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

một số ý kiến về việc hạch toán quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được tốt hơn phù hợp với tình hình thực tế tại công ty nhưng vẫn đảm bảo chế độ kế toán hiện hành.

Hoàn thiện công tác kế toán kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trước hết phải đáp ứng được yêu cầu sau:

- Các biện pháp hoàn thiện phải xây dựng trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán hiện hành. Tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải tiến cho phù hợp với tình hình quản lý tại đơn vị mình không bắt buộc phải dập khuôn theo chế độ, nhưng trong khuôn khổ nhất định vẫn phải tôn trọng mới về quản lý tài chính.

- Hoàn thiện công tác kế toán phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hệ thống kế toán ban hành bắt buộc các doanh nghiệp phải áp dụng, nhưng chưa được quyền vận dụng trong một phạm vi nhất định phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao.

- Hoàn thiện nhưng phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lợi nhuận cao.

Như vậy, trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện và tình hình quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến góp phần khắc phục những hạn chế trong công tác kế toán hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

3.2.1. Giải pháp 1- Hoàn thiện việc lập sổ danh điểm vật tư

Sổ danh điểm nguyên vật liệu: là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại vật liệu mà công ty đã và đang sử dụng. Trong sổ danh điểm vật liệu được theo dõi từng loại, từng nhóm, từng quy cách, chặt chẽ giúp cho công tác quản lý và hạch toán vật liệu ở công ty được thống nhất dễ dàng.

Để lập sổ danh điểm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ chính xác, đầy đủ, không trùng lặp

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

thuận tiện và hợp lí. Công ty có thể xây dựng bộ mã nguyên vật liệu dựa vào các đặc điểm sau:

- Dựa vào các loại nguyên vật liệu
- Dựa vào nhóm nguyên vật liệu trong mỗi loại
- Dựa vào số thứ tự nguyên vật liệu trong mỗi loại

Trước hết bộ mã nguyên vật liệu được xây dựng trên cơ sở liệu các tài khoản cấp II đối với nguyên vật liệu

- Nguyên vật liệu chính:1521
- Nguyên vật liệu phụ: 1522
- Phế liệu:1523

Trong mỗi loại nguyên vật liệu phân thành các nhóm và lập mã số cho từng nhóm. Ở công ty nhóm nguyên vật liệu trong mỗi loại thường dưới 10 nhóm nên ta thường dùng chữ số để biểu thị.

Nhóm nguyên vật liệu chính:1521

- Loại 1: Vải chính(1521-01)
- Loại 2: Vải lót(1521-02)
- Loại 3: Bông (1521-03)
- Loại 4: Chi (1521-04)

Nhóm nguyên vật liệu phụ:1522

- *Phần may: 1522-01
- *Cúc:1522-02
- *Khóa:1522-03
- *Nhãn mác:1522-04

Nhóm phế liệu:1523

- *Vải vụn:1523-01
- *Bông vụn:1523-02

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Để cho dễ nhìn, dễ tìm hiểu giúp cho việc quản lý nguyên vật liệu một cách dễ dàng hơn, công ty có thể xây dựng thành bảng

- Nhóm công cụ dụng cụ dùng cho quản lý:153-01
- Nhóm công cụ dụng cụ dùng cho sản xuất:153-02

Biểu 3.1 Sổ danh điểm vật tư

SỔ DANH ĐIỂM VẬT TƯ

Kí hiệu		Tên, quy cách chủng loại vật tư	ĐVT	Đơn giá	Ghi chú
Nhóm	Danh điểm vật liệu				
1	2	3	4	5	6
<i>Nhóm nguyên vật liệu chính</i>					
1521-01		Vải chính			
	1521-01-1	Vải Jacket	m		
	1521-01-2	Vải Gerry	m		
	1521-01-3	Vải cotton	m		
	1521-01-4	Vải polyme	m		
.....		
1521-04		Chỉ			
	1521-04-1	Chỉ 1000m	Cuộn		
	1521-04-2	Chỉ 7000m	Cuộn		
	1521-04-3	Chỉ 15.000m	Cuộn		
<i>Nhóm nguyên vật liệu phụ</i>					
	1522-01	Phần may	Hộp		
	1522-02	Cúc	Túi		
	1522-03	Khóa	Chiếc		
	1522-04	Nhãn mác	Chiếc		
<i>Nhóm phế liệu</i>					
	1523-01	Vải vụn	m		
	1523-02	Bông vụn	cân		
<i>Nhóm công cụ dụng cụ dùng cho quản lý</i>					
153-01	153-01-1	Bàn ghế	Bộ		
	153-01-2	Máy vi tính	Chiếc		
.....		
<i>Nhóm công cụ dụng cụ dùng cho sản xuất</i>					
153-02	153-02-1	Máy khâu	cái		
	153-02-2	Bàn là hơi	cái		
.....		

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

3.2.2. Giải pháp 2- Hoàn thiện về thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu

Hiện nay công ty vẫn tiến hành mua nguyên vật liệu về nhập kho sau đó theo yêu cầu sản xuất của từng đơn đặt hàng thì bắt đầu làm thủ tục xuất kho.

Như vậy việc thực hiện các thủ tục nhập xuất kho (trong khi không nhập không xuất kho) nhiều khi chỉ mang tính hình thức, phục vụ cho nhu cầu quản lí. Do đó phải mất nhiều công sức và thời gian cho công việc này.

Với cách làm trên sẽ bị hao phí về lao động kế toán, thủ tục rườm rà. Theo em công ty nên xem xét lên loại bỏ thủ tục nhập xuất kho nếu nguyên vật liệu không nhất thiết phải nhập kho mà làm thủ tục chuyển thẳng tới bộ phận sản xuất để tiến hành sản xuất. Để xác định bộ chứng từ gốc làm căn cứ ghi nợ TK621, công ty có thể sử dụng hóa đơn mua hàng và phiếu cấp hạn mức vật tư cùng biên bản giao nhận giữa các bộ phận cung ứng với bộ phận sản xuất. Biên bản được lập theo biểu 3.2

Biểu 3.2 Biên bản giao nhận vật tư

BIÊN BẢN GIAO NHẬN VẬT TƯ

Ngày..... tháng năm

Chúng tôi gồm:

- Ông(bà):Người cung ứng
- Ông(bà):Người nhận

Đã tiến hành bàn giao sử dụng vật tư như sau:

STT	Quy cách, chủng loại vật tư	Đơn vị tính	Số lượng

Đại diện bên cung ứng
(Kí, họ tên)

Đại diện bên nhận
(Kí, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biên bản này được lập ngay tại chỗ. Sau đó chuyển hóa đơn, biên bản lên phòng kế toán làm căn cứ pháp lý để ghi sổ kế toán.

3.2.3. Giải pháp 3- Hoàn thiện về chứng từ hạch toán công cụ dụng cụ

Công ty đã thực hiện phân bổ công cụ dụng cụ song Bảng phân bổ công cụ dụng cụ chưa thể hiện rõ đối tượng phân bổ. Sau đây em xin đưa ra một mẫu sổ công cụ dụng cụ theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Đơn vị: Công ty cổ phần SX&XNK Hải Phòng
Bộ phận:

Mẫu số 07-VT
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của bộ trưởng BTC

BẢNG PHÂN BỐ NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Tháng năm
Số

S T T	Ghi có các TK Đối tượng sử dụng (ghi nợ các TK)	TK 152		TK 153		TK 142	TK 242
		Giá HT	Giá TT	Giá HT	Giá TT		
A	B	1	2	3	4	5	6
1	TK 621- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp -Phân xưởng						
2	TK 627- Chi phí sản xuất chung						
3	TK 641- Chi phí bán hàng						
4	TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp						
5	TK 142- Chi phí trả trước ngắn hạn						
6	TK 242- Chi phí trả trước dài hạn						

Biểu 3.3 Bảng phân bổ công cụ dụng cụ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Kế toán có thể lập bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ ở VD1, VD2, VD3 như sau:

BẢNG PHÂN BỐ NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Tháng 10 năm 2010

Số

S T T	Ghi có các TK Đối tượng sử dụng (ghi nợ các TK)	TK 152		TK 153		TK 142	TK 242
		Giá HT	Giá TT	Giá HT	Giá TT		
A	B	1	2	3	4	5	6
1	TK 621- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp -Phân xưởng		302.145.145				
2	TK 627- Chi phí sản xuất chung						97.458.365
3	TK 641- Chi phí bán hàng						
4	TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp						31.295.521
5	TK 142- Chi phí trả trước ngắn hạn						
6	TK 242- Chi phí trả trước dài hạn				400.321.412		
	Cộng						

Biểu 3.4 Trích bảng phân bổ công cụ dụng cụ tháng 10/2010

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

3.2.4. Giải pháp 4- Lập báo cáo vật tư cuối kì

Ở công ty trong kì số lượng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ cho quá trình sản xuất vẫn còn tình trạng lượng tiêu hao nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thực tế ít hơn so kế hoạch dẫn đến cuối kì vẫn còn vật tư ở trong kho chưa được sử dụng. Chính vì vậy, để có thể theo dõi lượng vật tư tồn cuối kì ở đơn vị sử dụng, các tổ sản xuất cần lập báo cáo vật tư còn lại cuối kì và đầu kì gửi cho phòng kế toán.

Bộ phận sản xuất của công ty có thể lập Phiếu báo cáo vật tư còn lại cuối kì theo mẫu sau:

Đơn vị:
Địa chỉ:

Mẫu số **04-VT**
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU BÁO CÁO VẬT TƯ CÒN LẠI CUỐI KÌ

Ngày tháng năm

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng	Lí do sử dụng

Phụ trách đơn vị

Biểu 3.5 Phiếu báo cáo vật tư còn lại cuối kì

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

VD cuối kì sản xuất áo sơ mi nam, ở bộ phận sản xuất kiểm nghiệm thấy tại phân xưởng còn thừa một số nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nên tổ sản xuất lập phiếu báo cáo vật tư còn lại cuối kì.

Đơn vị:
Địa chỉ:

Mẫu số **04-VT**
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU BÁO CÁO VẬT TƯ CÒN LẠI CUỐI KÌ

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng	Lí do sử dụng
1	Kim		Vi	10	SD sau
2	Chỉ 5000m		Cuộn	2	SD sau
3	Cúc		Túi	1	SD sau
4					
.....					

Phụ trách đơn vị

Biểu 3.6 Trích Phiếu báo cáo vật tư còn lại cuối kì tháng 10/2010

3.2.5. Giải pháp 5- Áp dụng công nghệ thông tin trong hạch toán.

Hòa nhập với sự phát triển của công nghệ khoa học kĩ thuật và xu hướng tiến bộ trên toàn thế giới, việc áp dụng khoa học công nghệ thông tin trong hạch toán là hoàn toàn cần thiết. Việc áp dụng tiến bộ khoa học - kĩ thuật vào công tác kế toán có nhược điểm là chi phí cao nhưng mang lại rất nhiều lợi ích kinh tế. Công ty đã áp dụng điều này trong kế toán vật liệu, công cụ dụng cụ nhưng vẫn còn hạn chế. Hầu hết các nghiệp vụ phát sinh vẫn được ghi theo phương thức thủ công. Việc đưa công nghệ thông tin vào lưu trữ số liệu nhập xuất vật tư hàng ngày sẽ giảm bớt được thiếu sót, độ an toàn về dữ liệu cao, các thông tin đưa ra kịp thời, chính xác.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty có thể đặt mua một phần mềm kế toán riêng phù hợp với đặc điểm của công ty. Phần mềm kế toán có nhiều ưu việt:

- Thu thập xử lý thông tin kế toán một cách nhanh chóng.
- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động kiểm soát các thông tin tài chính.
- Chọn lọc thông tin cung cấp cho người sử dụng tùy mục đích.
- Việc xử lý, trình bày cung cấp các chỉ tiêu kế toán về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp là liên tục, có căn cứ đáp ứng yêu cầu sử dụng của các đối tượng sử dụng khác nhau.
- Hơn nữa việc sử dụng phần mềm kế toán có thể giúp giảm bớt nhân lực so với kế toán thủ công mà vẫn đảm bảo chất lượng công việc.

3.2.6. Giải pháp 6- Nâng cao việc sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu để hạ giá thành sản phẩm.

Trong ngành may mặc hiện nay một biện pháp để hạ giá thành là việc tiết kiệm các yếu tố chi phí sản xuất nhưng để thực hiện mục tiêu đó thì khi sử dụng không phải là bớt xén một cách máy móc mà phải đảm bảo trong điều kiện chi phí giảm nhưng vẫn phải đảm bảo đúng tiến độ gia công. Do đó giá thành có hạ thì doanh nghiệp mới có lãi trên cơ sở mở rộng quy mô sản xuất. Đây là một trong những yếu tố quyết định tới sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

Nguyên vật liệu là một trong những yếu tố cấu thành nên sản phẩm và nó chiếm một tỷ trọng lớn nhất trong chi phí, vì vậy việc tiết kiệm nguyên vật liệu có ảnh hưởng trực tiếp đến việc hạ giá thành sản phẩm.

Xuất phát từ đặc điểm thực tế của công ty em xin đưa ra một số biện pháp để tiết kiệm vật liệu như sau:

+Trên cơ sở khối lượng công việc đặt ra công ty tiến hành mua sắm vật liệu cho các phân xưởng sản xuất. Yêu cầu các phân xưởng sản xuất chấp hành tốt về định mức nhưng vẫn phải đảm bảo cho chất lượng đơn đặt hàng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+Có chế độ khen thưởng kỉ luật thích đáng đối với những cá nhân, tập thể sử dụng tiết kiệm hay lãng phí nguyên vật liệu.

+Giảm mức hao phí thấp nhất trong công tác thu mua, vận chuyển, bảo quản và sử dụng vật tư. Không để cho vật tư hao hụt, mất mát hoặc xuống cấp.

+Mở rộng mối quan hệ với các bạn hàng để tránh được hiện tượng tồn kho nguyên vật liệu, giảm bớt được chi phí vận chuyển.

3.2.7. Giải pháp 7- Phân định rõ kế toán quản trị và kế toán tài chính về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty.

- Do thông tin kế toán phục vụ trong và ngoài doanh nghiệp nên căn cứ vào đối tượng sử dụng thông tin, người ta phân định kế toán thành 2 nhánh: nhánh kế toán cung cấp thông tin cho quản lí, điều hành hoạt động trong nội bộ doanh nghiệp được gọi là kế toán quản trị, nhánh kế toán cung cấp tin thông tin cho các đối tượng chủ yếu ở bên ngoài doanh nghiệp được gọi là kế toán tài chính.

- Kế toán quản trị là quy trình định dạng, đo lường, tổng hợp, phân tích, lập báo cáo, giải trình và thông đạt các số liệu tài chính và phi tài chính cho ban giám đốc để lập kế hoạch, đánh giá, theo dõi việc thực hiện kế hoạch trong phạm vi nội bộ một doanh nghiệp và để đảm bảo cho việc sử dụng có hiệu quả các tài sản và quản lí chặt chẽ các tài sản này. Như vậy kế toán quản trị là một phương pháp xử lí các dữ liệu để đạt được các mục tiêu sau:

+ Biết được từng thành phần chi phí, tính toán và tổng hợp chi phí sản xuất, giá thành cho từng loại sản phẩm, từng đơn đặt hàng, gia công.

+ Xây dựng được các khoản dự toán ngân sách cho các mục tiêu hoạt động.

+ Kiểm soát, thực hiện và giải trình các nguyên nhân chênh lệch giữa chi phí theo dự toán và thực tế.

+ Cung cấp các thông tin cần thiết để có các quyết định kinh doanh hợp lí.

- *Đối với kế toán tài chính nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ*

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Kế toán tổng hợp và chi tiết từng thứ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo số lượng và giá trị đúng theo chế độ ban hành.

+ Cung cấp số liệu từng thứ vật liệu chính xác hiện có trong kho tại thời điểm lập báo cáo và tiến hành lập báo cáo tài chính kịp thời.

+ Lập bảng kê chi tiết từng thứ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong kho phù hợp với chỉ tiêu giá trị vật liệu tồn kho ở bảng cân đối kế toán.

- *Đối với kế toán quản trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ*

Vẫn áp dụng kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ giữa kho và phòng VT như công ty đã thực hiện và kế toán quản trị nên mở Sổ chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cho từng thứ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Ngoài ra kế toán quản trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải: xác định giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đã sử dụng để sản xuất cho từng sản phẩm trong đó bao nhiêu là biến phí bao nhiêu là định phí.

Nhận thức được vấn đề trên, theo em nên tách kế toán quản trị và kế toán tài chính là hết sức phù hợp và hợp lí, áp dụng được vấn đề này sẽ cung cấp cho các nhà quản lí của công ty những thông tin linh hoạt, có những giải pháp khác nhau trong việc đầu tư, phát huy những mặt tích cực đã đạt được và những mặt còn tồn tại.

3.2.8. Giải pháp 8- Hoàn thiện về việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty có đặc điểm là chuyên về may mặc quần áo và thời gian thường phụ thuộc vào lượng đơn đặt hàng, nhận gia công nên nguyên vật liệu khi mua về khi mua về chưa dùng hết mà phải để trong kho. Và có những biến động nhất định về giá cả nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Để có thể khắc phục được hạn chế này, em xin đưa ra ý kiến là công ty nên sử dụng tài khoản 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”

Dự phòng là khoản dự tính trước để đưa vào chi phí sản xuất, kinh doanh phần giá trị bị giảm xuống thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, sản phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm giá đồng thời cũng phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho của doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính vào cuối kì hạch toán.

Căn cứ vào tình hình giảm giá thực tế, kế toán tính toán và xác định mức trích lập dự phòng.

-Cuối kì kế toán năm(hoặc quý), khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là đầu tiên, ghi:

Nợ TK632: Giá vốn hàng bán(chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK159: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho

-Cuối kì kế toán năm(hoặc quý) tiếp theo:

+ Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kì kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kì kế toán năm trước thì số chênh lệch lớn hơn được lập thêm, ghi:

Nợ TK632: Giá vốn hàng bán(chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK159: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho

+ Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kì kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kì kế toán năm trước thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập, ghi:

Nợ TK159: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK632: Giá vốn hàng bán(chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

KẾT LUẬN

Qua các phần trình bày ở trên, có thể khẳng định kế toán NVL, CCDC có tác dụng to lớn trong việc quản lí kinh tế. Thực tế tại Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hải Phòng cho thấy công tác tổ chức hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ giúp lãnh đạo công ty nắm bắt được quá trình sản xuất kinh doanh. Nó phản ánh chính xác và đầy đủ tình hình thu mua, sử dụng dự trữ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Từ đó mới có biện pháp chỉ đạo đúng đắn.

Sau một thời gian thực tập tại Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hải Phòng đã giúp em nắm bắt được thực tế công tác tổ chức công tác kế toán tại công ty. Từ khâu lập chứng từ kế toán, kiểm soát và luân chuyển chứng từ kế toán, ghi chép hệ thống sổ sách kế toán, quá trình thanh toán, tập hợp chi phí.....và đặc biệt đi sâu vào trong công tác hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Từ đó đã giúp em có cơ sở đối chiếu giữa lí luận với thực tế để củng cố bổ xung cho kiến thức lí thuyết đã được trang bị tại trường, rèn luyện kĩ năng, phương pháp của người cán bộ tài chính kế toán và đặc biệt là cách tổ chức công tác kế toán.

Vì thời gian không nhiều và trình độ hạn chế nên bài khoá luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của thầy cô giáo và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện.

Em xin chân thành cảm ơn thầy giáo hướng dẫn ThS Phạm Văn Tường, các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh Trường Đại học dân lập Hải Phòng cùng các bác, các chi trong phòng Vật tư- Tài vụ tại Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hải Phòng đã giúp đỡ em hoàn thiện bài khoá luận này.

Hải phòng, ngày.....tháng.....năm

Sinh viên thực hiện

Bùi Thị Phương Thùy